




CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE




2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

 Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

 (0275) 3811 533 - 3825 727

 (0275) 3827 781

 www.capnuocbentre.vn

MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

5

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

49

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

21

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

53

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

41

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong năm 2024

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

87

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro





Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
Tên viết tắt	BEWACO
Tên Tiếng Anh	Ben Tre Water Supply and Sewerage Joint Stock Company
Mã cổ phiếu	NBT
Vốn điều lệ	294.000.000.000 đồng

Trụ sở chính	Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Điện thoại	(0275) 3827 781
Fax	(0275) 3827 781
Website	www.capnuocbentre.vn

Giấy chứng nhận ĐKDN Số 1300107725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 8 ngày 03/01/2023.



Quá trình hình thành và phát triển

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra quyết định số 1353/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cấp thoát nước Bến Tre thành Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước từ ngày 01/01/2007.

2006

1992

2015



2016

2019

2020

2023

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (mã chứng khoán: NBT) chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 991/QĐ-UB về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty cấp thoát nước Bến Tre trực thuộc Sở Xây dựng Bến Tre. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là Sản xuất, phân phối nước; thoát nước bản; thi công lắp đặt mạng lưới cấp thoát nước. Trụ sở đặt tại số 103 Nguyễn Huệ, Phường 1, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Qua nhiều giai đoạn cải tạo và đầu tư xây dựng, Công ty hiện có 05 nhà máy xử lý nước với tổng công suất thiết kế 70.000 m³/ngày đêm.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 1580/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre. Ngày 24/09/2015, Công ty đã tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với giá đấu thành công bình quân là 10.177 đồng/cổ phần. Ngày 01/12/2015, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre với vốn điều lệ 280.000.000.000 đồng.

Công ty thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, nâng vốn điều lệ Công ty lên thành 294.000.000.000 đồng (tăng thêm 14 tỷ đồng) bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, trong đó, Nhà nước vẫn nắm giữ 64% vốn điều lệ.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và cung cấp nước sạch

Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;

Xây dựng công trình dân dụng;

Xây dựng công trình công nghiệp, thi công xây lắp, cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;

Gia công cơ khí và các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng;

Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;

Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;

Thi công, xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;

Thoát nước bẩn, nạo vét và thông tắc cống rãnh;

Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;

Dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, công trình chuyên ngành cấp thoát nước;

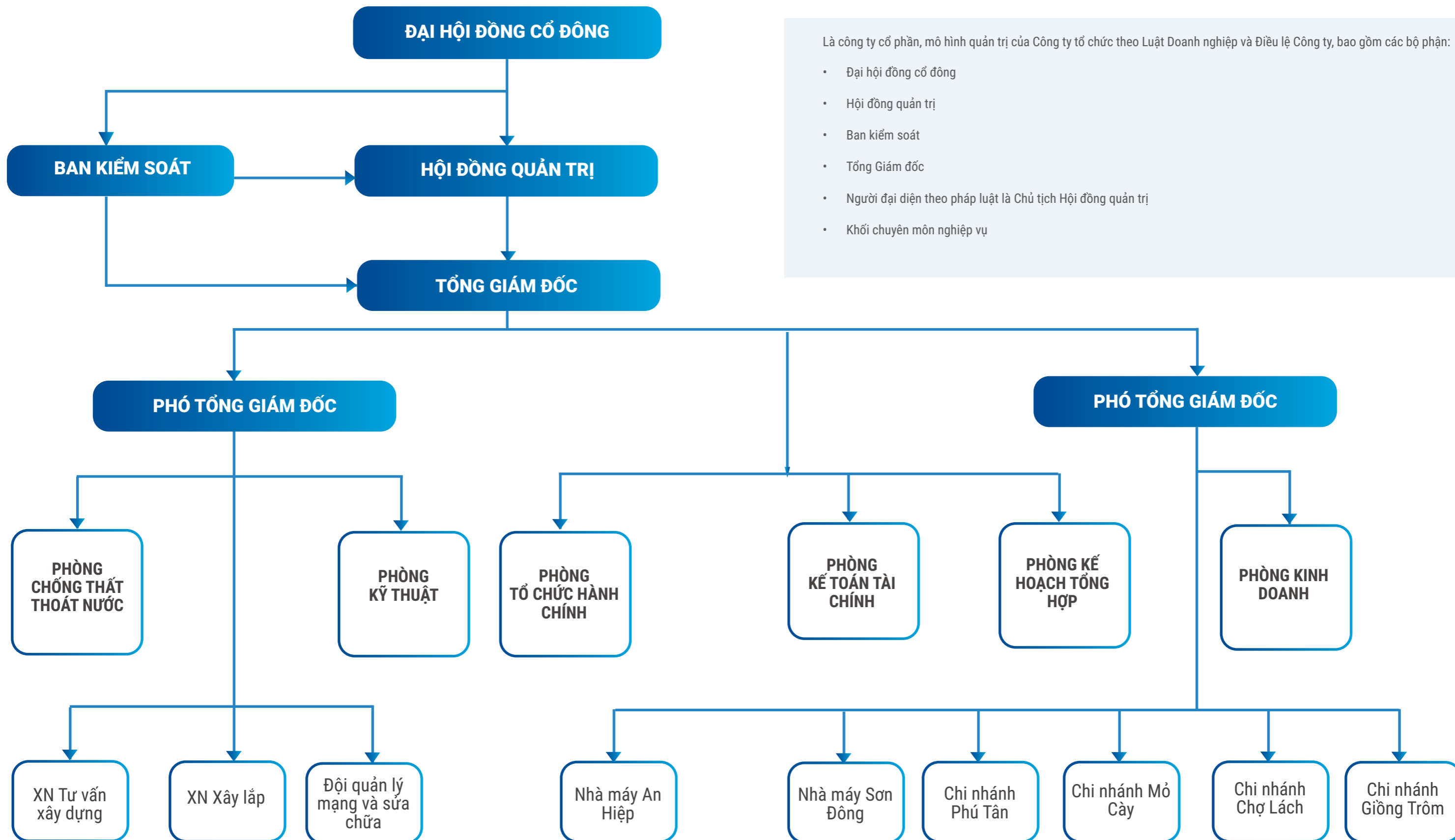
Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế - dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước;



Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu là ở Thành phố Bến Tre. Ngoài ra, Công ty cũng chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ cấp nước tại các huyện như: huyện Châu Thành (các xã Sơn Hòa, Tường Đa, An Hiệp, Hữu Định, Tân Thạch, An Khánh); huyện Giồng Trôm (thị trấn Giồng Trôm, các xã Mỹ Thạnh, Phong Năm, Phong Mỹ, Châu Hòa, Lương Hòa, Lương Quới, Bình Thành, Bình Hòa, Sơn Phú, Phước Long, Thuận Điền, Tân Thanh, Hưng Nhượng); huyện Mỏ Cày Nam (các xã Tân Thành Bình, Thanh Tân, Thành An, Định Thủy, Phước Hiệp); huyện Mỏ Cày Bắc (thị trấn Mỏ Cày Bắc và các xã Thành An, Tân Phú Tây, Phước Mỹ Trung,...); huyện Chợ Lách (thị trấn Chợ Lách và các xã Sơn Định, Hòa Nghĩa, Long Thới, Tân Thiêng,...). Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp dịch vụ cấp nước tại các Khu Công nghiệp của tỉnh nằm trên địa bàn phục vụ.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Mô hình quản trị

Là công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc
- Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Khối chuyên môn nghiệp vụ



Công ty con, Công ty liên kết

Không có.

Đơn vị trực thuộc

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp	Số 81A, QL 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng	Số 103, Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hội, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Phú Tân	Số 81A, QL 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – cấp nước Giồng Trôm	Số 005, Khu phố 3, Thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – cấp nước Chợ Lách	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Mỏ Cà	Ấp Mỹ Đức, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.





Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty xác định tầm nhìn chiến lược dài hạn để định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Công ty đặt mục tiêu phát triển và duy trì tiềm lực tài chính, sử dụng nguồn vốn đầu tư một cách hiệu quả để thực hiện các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo và nâng công suất của các nhà máy để đáp ứng nhu cầu trong sinh hoạt và trong sản xuất.
- Chủ động khắc phục ảnh hưởng của hạn mặn theo chu kỳ hàng năm tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo nước sạch do Công ty cung cấp đạt chất lượng, tiêu chuẩn theo quy định.
- Đặt mục tiêu giảm thiểu tối đa các vấn đề hao hụt và thất thoát nước bằng cách tăng cường kiểm tra và bảo trì hệ thống, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố trên hệ thống, nhanh chóng đưa ra các phương án sửa chữa và thay thế cần thiết để khắc phục sự cố, giảm thất thoát nước.
- Thực hiện kế hoạch không dùng tiền mặt trong thanh toán tiền nước, tiến tới không thu tiền nước tại nhà khách hàng. Vận động khách hàng thực hiện thanh toán tiền nước qua ngân hàng, các ứng dụng thu hộ để tăng tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 50% khách hàng thanh toán không dùng tiền mặt, hạn chế tỷ lệ tồn thu xuống mức tối đa.
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, tiếp tục thực hiện các công tác đào tạo, huấn luyện để xây dựng đội ngũ cán bộ quản trị, kinh doanh, tài chính, sản xuất chuyên môn cao để hoàn thành các mục tiêu đề ra.
- Tập trung nguồn vốn để đầu tư, nâng cấp thiết bị và áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nước sạch, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời tăng cường khả năng ổn định và phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Ngoài mảng kinh doanh chính là cung cấp nước sạch, Công ty sẽ đầu tư nghiên cứu để phát triển thêm một số ngành nghề mới nhằm góp phần mang lại hiệu quả kinh tế chung.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh bền vững trong trung và dài hạn, nâng cao hiệu quả và đảm bảo hài hòa quyền và lợi ích của cổ đông, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng.
- Đặt mục tiêu tăng trưởng, phát triển của doanh nghiệp luôn đi kèm với các mục tiêu an sinh xã hội, lợi ích của cộng đồng. Triển khai đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước để cung cấp cho các khu dân cư tập trung, các tuyến đường mới mở, các khu, cụm công nghiệp để tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng nước.
- Chú trọng công tác phân vùng, tách mạng; tăng cường các giải pháp phòng chống thất thoát nước, ứng dụng các công nghệ mới trong công tác dò tìm ống bể, có biện pháp quản lý tốt và tìm kiếm nhanh các vị trí rò rỉ, có kế hoạch thay thế hệ thống ống dẫn cũ nhằm quản lý tốt chất lượng nước, hạn chế tối đa các vấn đề hao hụt, thất thoát nước và các rủi ro khác
- Chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo của bộ máy quản lý, đồng thời phát triển nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao thông qua việc bồi dưỡng và các khóa đào tạo.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, không ngừng cải tiến phương pháp làm việc, khuyến khích người lao động đưa ra các giải pháp hiệu quả, ý tưởng sáng tạo đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Công ty.

Mục tiêu đối với môi trường

- Là doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nước sạch nên Công ty luôn nhận thức rõ ràng trách nhiệm bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước và đảm bảo cung cấp nước sạch, chất lượng đến với người dân trong vùng phục vụ của Công ty.
- Đặc biệt, Công ty cam đoan không đặt lợi ích kinh tế lên trên lợi ích của cộng đồng, đảm bảo toàn bộ quy trình sản xuất, cung cấp nước và xử lý chất thải đều theo đúng quy định.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- Công ty luôn chú trọng đến việc bảo vệ quyền lợi của cán bộ và nhân viên, triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao phúc lợi cho nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng xã hội tại tỉnh Bến Tre.
- Ngoài ra, BEWACO cam kết tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ đóng thuế đối với Nhà nước. Công ty thường xuyên và tích cực tổ chức, tham gia vào các hoạt động Đoàn thể, hoạt động tình nguyện và các chiến dịch công tác xã hội khác, nhằm mục đích hỗ trợ trực tiếp và thiết thực cho cộng đồng.



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2023, bối cảnh kinh tế toàn cầu không mấy lạc quan khi đối mặt với nhiều thách thức như khủng hoảng kinh tế ở Châu Âu và chiến tranh kéo dài giữa Nga và Ukraine và các hệ quả đi kèm đã làm gia tăng rủi ro tiềm ẩn lên thị trường tài chính, khủng hoảng năng lượng, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn duy trì sự ổn định, với lạm phát được kiểm soát, GDP của Việt Nam trong năm 2023 ước đạt 5,05%.

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nước do đó các yếu tố vĩ mô không tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước. Bởi vì nước được xếp vào dạng hàng hoá sinh hoạt thiết yếu, gắn liền với quá trình phát triển đất nước và luôn nằm trong danh mục khuyến khích phát triển của Chính phủ. Tuy nhiên, các yếu tố kinh tế vĩ mô lại có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các khu công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, từ đó trực tiếp ảnh hưởng đến nguồn doanh thu chiếm tỷ trọng lớn của Công ty. Nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn nâng cao kiểm soát công tác quản lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính đã đề ra. Bên cạnh đó, Công ty luôn theo dõi, nắm bắt tình hình kinh tế chung để chủ động có những giải pháp thích hợp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hiện nay, thành phố Bến Tre đang tiến tới mục tiêu xây dựng đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quê hương xứ dừa. Trong thời gian qua, tỉnh Bến Tre đã huy động nhiều nguồn lực đầu tư cho công tác phát triển đô thị, đồng thời thực hiện tốt công tác quy hoạch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật với hướng đi văn minh, xanh, sạch và đẹp. Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt 5,16%, cho thấy cả quy mô kinh tế cũng như nhu cầu tiêu dùng đều có sự cải thiện, tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro môi trường

Chất lượng của nguồn nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình xử lý để tạo ra nước sạch. Bến Tre, với nguồn tài nguyên nước dồi dào từ 4 con sông lớn và hơn 100 con sông, kênh, rạch phân bố và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nguồn nước tại Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, tình trạng xâm nhập mặn và sự giảm chất lượng của nguồn nước đang gây khó khăn đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Tình hình xâm nhập mặn ở ĐBSCL phụ thuộc vào nguồn nước từ thượng nguồn sông Mekong, triều cường và còn biến động trong thời gian tới. Theo Tổng cục Khí tượng thủy văn dự báo, xâm nhập mặn tại ĐBSCL mùa khô năm 2023-2024 ở mức cao hơn trung bình nhiều năm, điều này gây ra cản trở không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, chất lượng nguồn nước đang giảm do ảnh hưởng từ quá trình công nghiệp hóa và chất thải sinh hoạt, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc chất lượng nước nguồn không ổn định cũng làm gia tăng chi phí xử lý nước và ảnh hưởng đến chất lượng nước sau xử lý. Để giải quyết những thách thức này, BEWACO cần tìm ra các phương án phòng ngừa và khắc phục các vấn đề, đồng thời duy trì tinh thần trách nhiệm đối với việc khai thác nguồn nước hợp lý, bền vững để bảo vệ nguồn tài nguyên nước trong tương lai. Công ty cũng cần tiếp tục kiểm soát và đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường, đồng thời duy trì và bảo trì hệ thống công nghệ để đảm bảo sản xuất nước sạch chất lượng cao.

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về giá đầu vào

Rủi ro về giá đầu vào đối với hoạt động kinh doanh nước sạch là một thách thức đặc biệt đối với BEWACO. Tương tự như các sản phẩm thiết yếu khác như xăng, dầu, và điện, giá của nước sạch được quy định bởi Nhà nước dựa trên các yếu tố như tính đặc thù của khu vực và biến động của chi phí sản xuất, kinh doanh và cung ứng. Tuy nhiên, các chi phí đầu vào như nguyên vật liệu xử lý nước, giá điện và chi phí lao động đang có xu hướng tăng, trong khi giá bán lẻ nước sạch có thể không được điều chỉnh kịp thời.

Để đối phó với rủi ro này, BEWACO cần liên tục theo dõi và đưa ra định hướng linh hoạt, xây dựng chiến lược để giải quyết các vấn đề có thể phát sinh. Điều này bao gồm việc tối ưu hóa quy trình sản xuất, tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu và công nghệ mới để tiết kiệm chi phí, cũng như thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro để đảm bảo quá trình kinh doanh luôn hiệu quả và bền vững.

Rủi ro thất thu, thất thoát

Với tốc độ đô thị hóa cao, hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới lòng đất luôn đặt ra vấn đề quan trọng về việc kiểm soát tình trạng thất thoát nước, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong ngành như BEWACO. Thất thoát nước không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn gây lãng phí cho nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Có nhiều nguyên nhân gây ra thất thoát nước, như hệ thống cấp nước sạch cũ kĩ, hỏng hóc trong quá trình cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị và thiếu hụt nguồn nhân lực. Để giảm thiểu tình trạng thất thoát nước, BEWACO đã đặt mục tiêu xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa hệ thống cấp nước và thay thế đồng hồ đo lường một cách hợp lý. Công ty cũng tăng cường cải thiện chất lượng mạng lưới cung cấp nước để giảm thiểu thất thoát và tăng hiệu suất sử dụng tài nguyên.

Những nỗ lực này không chỉ giúp BEWACO tối ưu hóa hoạt động kinh doanh mà còn góp phần vào bảo vệ môi trường và tạo ra lợi ích lâu dài cho cả cộng đồng. Đồng thời, việc này cũng thúc đẩy sự bền vững của Công ty trong hoạt động cung cấp nước sạch.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre chịu ảnh hưởng từ hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, và Luật Tài nguyên nước... Trong những năm tiếp theo, việc điều chỉnh hoặc bổ sung hệ thống pháp luật là điều có thể xảy ra để phản ánh sự thay đổi của nền kinh tế.

Trong bối cảnh này, việc xây dựng Luật Cấp thoát nước trước năm 2025 được dự kiến có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty. Ý thức được nghĩa vụ phải tuân thủ pháp luật, Công ty luôn không ngừng cập nhật những thay đổi mới trong hệ thống pháp luật. Điều này giúp tránh được những rủi ro liên quan đến các vấn đề pháp lý trong tương lai và xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện mới.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã được nhận diện trên, Công ty cũng gặp phải những tác động tiêu cực từ những nhân tố bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động... Vì vậy, để đảm bảo an toàn cho nhân viên và tránh mất mát không đáng có trong hoạt động kinh doanh, BEWACO luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định về phòng cháy, cứu hộ, cứu nạn, cũng như thường xuyên kiểm tra thiết bị và cập nhật thông tin về thời tiết, thủy văn, xã hội. Ngoài ra, hàng năm Công ty cũng tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm lao động, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm tài sản để đảm bảo cho công nhân viên và bảo hiểm cho tài sản của Công ty.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: tỷ đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu cung cấp nước sạch	213.319	99,00%	222.942	98,75%	9.623	4,51%
2	Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	1.342	0,62%	2.005	0,89%	663	49,40%
3	Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	612	0,28%	648	0,29%	36	5,88%
4	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	205	0,1%	165	0,07%	-40	-19,51%
Tổng cộng		215.478	100,00%	225.760	100,00%	10,282	4,77%

Trong năm 2023, cơ cấu doanh thu của Công ty duy trì ổn định và không có nhiều sự thay đổi so với năm trước. Trong đó, doanh thu từ cung cấp nước sạch chiếm tỷ trọng cao nhất với gần 98,75%. Đây cũng là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, cụ thể doanh thu từ hoạt động này đạt hơn 222 tỷ đồng tương đương với mức tăng trưởng tăng 104,51% so với năm 2022.

Các mảng doanh thu còn lại như doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước, doanh thu từ hoạt động thu phí bảo vệ môi trường, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu thuần và không có tác động đáng kể tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc phát triển đồng bộ một số lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty có ưu thế cũng góp phần tạo điều kiện cho Công ty hoạt động một cách bền vững, lâu dài, ổn định.

Nhìn chung trong năm 2023, BEWACO vẫn duy trì hoạt động khai thác, sản xuất nước ổn định, hiệu quả và đảm bảo nguồn cung đáp ứng nhu cầu của khách hàng khi tổng doanh thu thuần ghi nhận đạt 225,760 tỷ đồng, tương ứng tăng 4,77% so với cùng kỳ.



Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	TH Năm 2023/KH Năm 2023	TH Năm 23/TH Năm 2022
Sản lượng nước ghi thu	m ³	20.499.306	20.680.000	21.446.686	103,71%	104,62%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	217.311	218.000	227.262	104,25%	104,58%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	65.802	52.000	66.858	128,57%	101,60%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	54.566	43.000	55.392	128,82%	101,51%
Nộp ngân sách NN	Triệu đồng	20.385	100% theo quy định	19.651		96,4%
Tỷ suất LN sau thuế /VĐL	%	0,19	0,15	0,19	126,67%	100%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	25,2	20,00	24	Tăng 4%	Giảm 1,27%

Tổng doanh thu trong năm 2023 ghi nhận đạt 227,262 tỷ đồng, tăng 4,58% so với năm 2022, và vượt 4,25% kế hoạch năm 2023 đề ra.

Những ngày đầu của năm 2023 hạn mặn tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận ở các Nhà máy nước. Công ty phải tập trung nhân lực thực hiện các giải pháp khắc phục hạn mặn đảm bảo có nguồn nước ngọt để cung cấp cho khách hàng trong vùng phục vụ. Công ty ngưng vận hành nhà máy nước Lương Quới từ đầu tháng 2/2023 do độ mặn nước nguồn tại rạch Lương Quới tăng cao vượt ngưỡng quy định, nguồn nước phục vụ cho khu vực Giồng Trôm được cung cấp chủ yếu từ nhà máy nước Bình Hòa (là đối tác của Công ty) và trạm tăng áp Chệt Sậy. Công ty thực hiện điều tiết nguồn nước ngọt thông qua hệ thống cống đập ngăn mặn, lắp đặt và vận hành các trạm bơm dã chiến để lấy được nguồn nước có độ mặn thấp cung cấp cho khu vực thành phố Bến Tre, huyện Châu Thành, huyện Mỏ Cày Nam và Mỏ Cày Bắc. Chi phí mua nước trong 2023 đã có giảm so với năm trước, điều này làm lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2023 đạt 55 tỷ đồng, tăng 1,51% so với năm 2022 và đạt 128,82% kế hoạch đã đề ra. Nhìn chung, các chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2023 đều tăng so với cùng kỳ năm 2022 và hoàn thành tốt các kế hoạch ĐHCĐ giao phó. Với quan điểm đoàn kết, gắn bó nội bộ, Ban lãnh đạo BEWACO đã nỗ lực vận hành mọi nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh chính nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Đây là tín hiệu khả quan cho thấy công ty đã có những nỗ lực để vượt qua các khó khăn do tình hình thời tiết gây ra và tạo đà cho sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Về tỷ lệ nước thất thoát chưa đạt theo kế hoạch đặt ra, tăng 4% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do việc triển khai đề án giao thông nông thôn tại các khu vực, chỉnh trang lộ hẻm đô thị ở nhiều địa bàn nên dẫn đến sự cố kỹ thuật đường ống nhiều, dẫn đến tỷ lệ thất thoát nước còn cao, chưa kéo giảm được. Sang năm 2024, Ban điều hành sẽ chỉ đạo tiếp tục thực hiện tăng cường các giải pháp chống thất thoát nước trên toàn Công ty với mục tiêu kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước bằng hoặc thấp hơn 20%, thực hiện giao tỷ lệ thất thoát nước cụ thể cho từng đơn vị trực thuộc, đây là tiêu chí bắt buộc làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị vào cuối năm.

Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thanh Bình	TV.HĐQT, Tổng Giám đốc	3.822.000	13%	6.300	0,021%
2	Phan Thanh Bình	TV.HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	-	-	1.365	0,005%
3	Phan Thành Nhân	Phó Tổng giám đốc	-	-	17.115	0,06%
4	Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	-	-	20.865	0,071%



Lý lịch Ban điều hành

01 ÔNG TRẦN THANH BÌNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 29/09/1982 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : Khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Cao đẳng Cấp thoát nước; Kỹ sư kỹ thuật công trình

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
04/2005 – 12/2010	Nhân viên Đội thi công – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2011 – 02/2013	Nhân viên Xí nghiệp Xây lắp – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
03/2013 – 12/2016	Đội trưởng Đội Quản lý mạng và sửa chữa – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2017 – 12/2018	Trưởng phòng Chống thất thoát nước – thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2019 – 10/2019	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
11/2018 – 12/2022	TV HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023 – Nay	TV HĐQT – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 3.822.000 cổ phần, chiếm 13% vốn điều lệ (đại diện cho UBND tỉnh Bến Tre).
- Sở hữu cá nhân: 6.300 cổ phần, chiếm 0,021% vốn điều lệ

02

ÔNG PHAN THANH BÌNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 12/04/1985 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : ấp An Hòa, xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân cao đẳng Cấp thoát nước; Cử nhân Quản trị kinh doanh; Kỹ sư kỹ thuật công trình

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
2007 – 2010	Nhân viên Phòng Kỹ thuật – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
2010 – 2015	Nhân viên Xí nghiệp Tư vấn xây dựng – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
2015 – 2018	Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Chợ Lách trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2018 – 12/2018	Trưởng phòng Kinh doanh, trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2019 – 12/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023 - nay	TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu cá nhân: 1.365 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ

03

ÔNG PHAN THÀNH NHÂN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 20/11/1978 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : 87B1, Khu phố 1, Phường 8, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng, Ths. Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
24/4/2002 đến 29/7/2015	CB. Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre
30/7/2015 đến 26/7/2020	Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Mỏ Cà, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
27/7/2020 đến tháng 05/2023	TP. Phòng kỹ thuật, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
01/6/2023 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu cá nhân: 3.360 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ.



04

BÀ VÕ THỊ THIÊN TRANG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh : 15/03/1973 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : Số 509A/2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Kế toán.

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
07/1999 – 01/2000	Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
02/2000 – 03/2007	Kế toán tổng hợp Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
04/2007 – 11/2015	Phó phòng Kế toán kiêm kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
01/12/2015 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu cá nhân: 20.865 cổ phần, chiếm 0,071% vốn điều lệ

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2023

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Trần Hùng	Tổng giám đốc	03/01/2019- 01/01/2023
2	Ông Phan Thành Nhân	Phó Tổng giám đốc	01/06/2023
3	Ông Trần Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	03/01/2019 - 01/01/2023
		Tổng giám đốc	01/01/2023

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023: 287 người.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	287	100%
1	Trên đại học	04	1,39%
2	Đại học, cao đẳng	92	31,83%
3	Trung cấp	60	20,9%
4	Công nhân kỹ thuật	23	8,01%
5	Lao động phổ thông	108	37,87%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	287	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	287	100%
C	Theo giới tính	287	100%
1	Nam	222	77,36%
2	Nữ	65	22,64%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.033.124	10.288.301	9.000.799	9.832.621

Chính sách nhân sự

Điều kiện và chế độ làm việc

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tập trung vào việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ và quan tâm đến điều kiện làm việc của nhân viên. BEWACO cung cấp không gian làm việc tiện nghi và thoải mái, kèm theo trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị và phương tiện bảo hộ lao động. Điều này giúp nhân viên tự tin phát huy tối đa năng lực của mình. BEWACO cũng thiết lập các chế độ làm việc và nghỉ phép hợp lý, tuân thủ theo quy định của Luật Lao động, nhằm tăng cường tinh thần tự giác, trách nhiệm và sự đoàn kết trong nội bộ.

Chính sách tuyển dụng và phát triển nhân sự

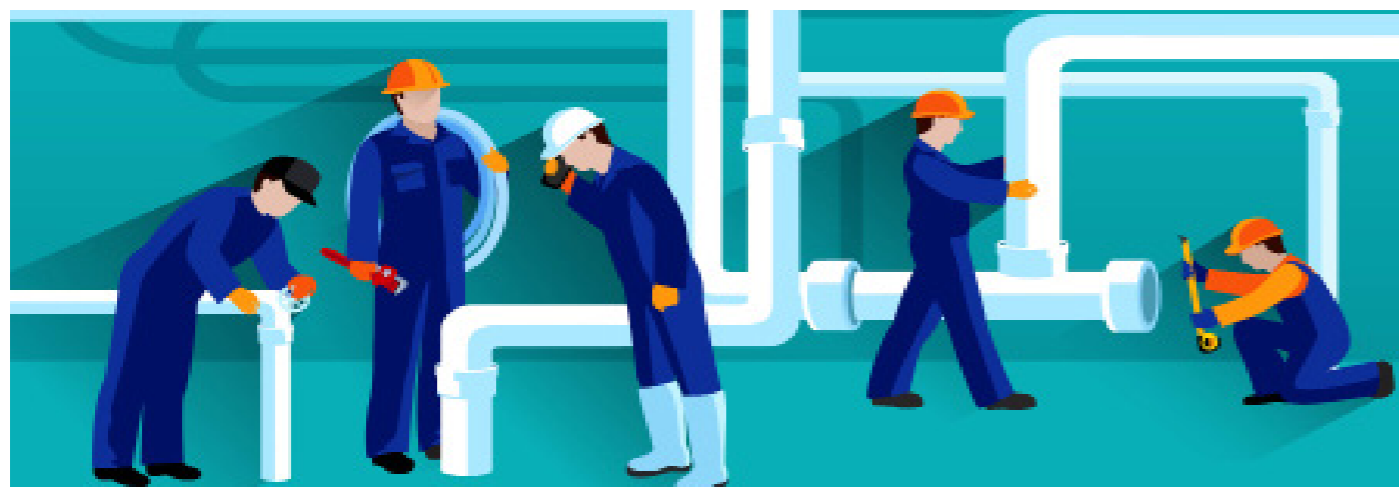
Công ty đã xây dựng quy trình tuyển dụng chặt chẽ và yêu cầu chuyên môn cụ thể cho từng bộ phận, đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực. Chính sách lương thưởng hấp dẫn dựa trên năng suất làm việc và môi trường làm việc cạnh tranh thu hút được nguồn nhân lực tài năng. Công ty cũng thiết lập cơ chế đánh giá minh bạch và công bằng, khuyến khích nhân viên đóng góp ý kiến và giải pháp sáng tạo.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty tuân thủ các quy định pháp luật và xây dựng chính sách lương thưởng, phúc lợi dựa trên hiệu suất làm việc và trách nhiệm của từng vị trí. Công ty tổ chức nhận xét và đánh giá hiệu quả công việc hàng năm một cách minh bạch và công bằng, đồng thời khuyến khích nhân viên đóng góp ý kiến và giải pháp để nâng cao năng suất làm việc.

Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng đến việc phát triển và duy trì đội ngũ nhân viên có chất lượng cao thông qua các khóa đào tạo chuyên sâu và các hoạt động học tập, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm. Công ty cũng tổ chức các khóa đào tạo nâng cao trình độ và chuyên môn cho công nhân, giúp họ tiếp cận với các công nghệ mới nhất. Điều này giúp toàn bộ nhân viên được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng, từ đó nâng cao hiệu suất làm việc và góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.



Các khoản đầu tư lớn

Tên dự án	Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
Hình thức đầu tư	mới 100%
Mục tiêu đầu tư	Dẫn nước sạch từ nhà máy nước Hữu Định về khu công nghiệp Giao Long nhằm đáp ứng nhu cầu tăng thêm của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Giao Long và cụm công nghiệp Long Phước. Định hướng cấp nước cụm công nghiệp Phú Hưng và cụm công nghiệp Phong Nấm; cải thiện áp lực và lưu lượng khu vực phía Bắc thành phố Bến Tre.
Quy mô dự án	Tổng chiều dài tuyến 11.809,3m chuyển tải phân phối theo đường vành đai từ từ nhà máy nước Hữu Định đến đường Huỳnh Tấn Phát, đường N5 cụm công nghiệp Long Phước cụ thể: - Gói thầu số 1 - Ống cấp nước D500 lộ Vành Đai: Đầu tư lắp đặt mới tuyến ống từ Nhà máy nước Hữu Định - lộ Vành Đai - đường Huỳnh Tấn Phát gồm: 20,5m ống gang dẻo D600 (K9), 4.679,5 m ống gang D500 (K9) và 600m ống HDPE D560. Đầu tuyến lắp đặt đồng hồ điện từ D600. Trên tuyến lắp đặt 14 trụ cứu hỏa, 05 van xả khí D50, 04 van xả cặn D200 và một số phụ tùng đầu nối. Ống gang dẻo D600 lắp từ Nhà máy nước Hữu Định đến điểm đầu tuyến D500; ống gang dẻo D500 và ống HDPE D560 lắp dọc bờ kênh lộ Vành Đai đến cầu sắt Phú Dân (độ sâu chôn ống từ 1,03m đến 2,43m) - đã thực hiện; - Gói thầu số 2 - Ống cấp nước D400 và D315 đường Huỳnh Tấn Phát và đường N5 cụm công nghiệp Long Phước: Đầu tuyến tiếp nối với điểm cuối của Gói thầu số 1, cuối tuyến là đường D5 thuộc khu công nghiệp Giao Long, thay thế tuyến ống qua ĐT.883 bằng tuyến ống qua đường N5, mở rộng mạng lưới cung cấp cho cụm công nghiệp Long Phước và khu công nghiệp Giao Long. Chiều dài toàn tuyến là 6.509,3m. Khối lượng lắp đặt chủ yếu gồm 26,3m ống gang D500, 3.629m ống gang D400, 36m ống gang D300, 520m ống HDPE D500, 2.242m ống HDPE D315, 28m ống HDPE D225, 28m ống uPVC D315, các van chặn trên tuyến, trụ chữa cháy, van xả bùn, van xả khí và các phụ tùng đầu nối khác – đã thực hiện xong vào cuối tháng 12/2023.
Địa điểm thực hiện dự án	Thành phố Bến Tre; huyện Châu Thành
Tổng mức đầu tư dự án	67.160.980.838 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi bảy tỷ, một trăm sáu mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng). Trong đó: - Chi phí xây dựng : 58.220.937.486 đồng + Gói thầu số 1 : 23.415.020.216 đồng + Gói thầu số 2 : 34.805.917.270 đồng - Chi phí thiết bị : 300.000.000 đồng - Chi phí bồi thường GPMB : 500.000.000 đồng - Chi phí quản lý dự án : 1.002.675.000 đồng - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 3.471.558.664 đồng - Chi phí khác : 1.942.775.448 đồng - Chi phí dự phòng : 1.723.034.240 đồng
Thời gian và tiến độ hiện tại thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án: 2018 - 2024. Tiến độ hiện tại thực hiện dự án: dự án hoàn thành ngày 28/3/2024

Các công ty con, công ty liên kết: không có

Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	510.468	552.235	108,18%
Doanh thu thuần	215.478	225.760	104,77%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	65.476	65.598	100,19%
Lợi nhuận khác	326	1.259	386,20%
Lợi nhuận trước thuế	65.802	66.858	101,60%
Lợi nhuận sau thuế	54.566	55.392	101,51%
Tỷ lệ cổ tức	10%	Dự kiến 12% (*)	-

(*) Tỷ lệ cổ tức năm 2023 sẽ được trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024


Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,98	1,91
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,79	1,69
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	19,43%	19,85%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	24,12%	24,77%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,16	8,17
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,42	0,42
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	25,32%	24,54%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,27%	12,97%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	10,69%	10,42%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	30,39%	29,06%

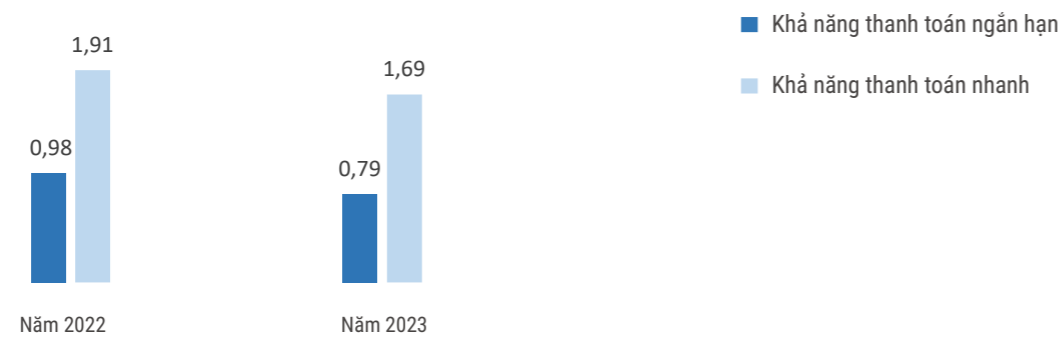
Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

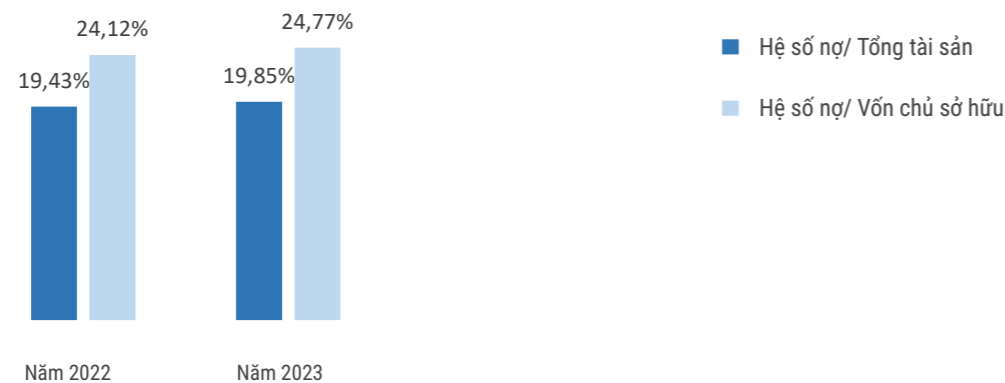
Trong năm 2023, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty có xu hướng tăng. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 1,91 lần, khả năng thanh toán nhanh đạt 1,69 lần. Nguyên nhân của sự thay đổi này chủ yếu là do sự gia tăng đáng kể trong tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp cùng với mức giảm nhẹ trong nợ phải trả ngắn hạn, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 77,69% (tương ứng tăng hơn 40 tỷ đồng) so với năm 2022 chủ yếu đến do khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền trong năm tăng 172,49%. Bên cạnh đó, biến động tăng gần 22 tỷ trong các khoản phải thu ngắn hạn cũng phần nào ảnh hưởng lên tài sản ngắn hạn và các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của BEWACO.
- Nợ ngắn hạn giảm 8,71% (tương ứng giảm 4,569 tỷ đồng), nguyên nhân đến từ khoản mục phải trả ngắn hạn khác của Công ty trong năm giảm 76,26%.



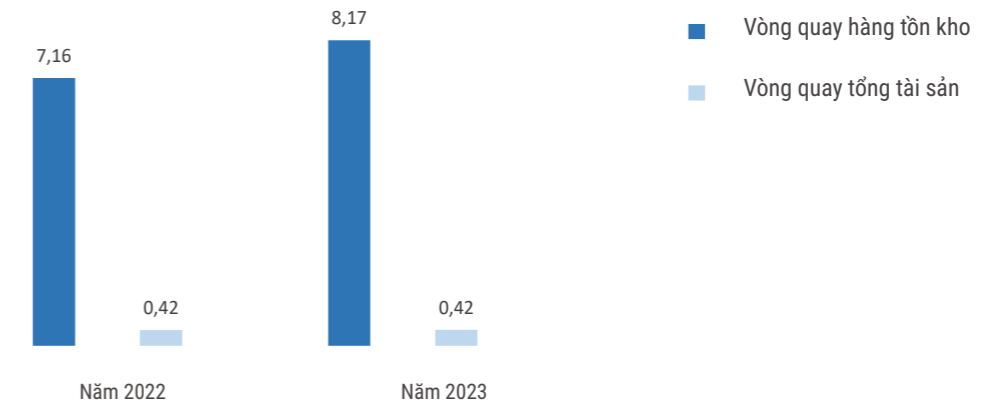
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm 2023 của BEWACO có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước. Do phát sinh thêm các khoản vay nợ tài chính mới trong kỳ để huy động thêm nguồn lực cho các mục tiêu đầu tư phát triển. Cụ thể, tổng nợ phải trả tăng 10,52% (tương đương với 10,435 tỷ đồng); trong khi tổng tài sản tăng 8,18% (tương đương với 41,67 tỷ đồng) và vốn chủ sở hữu tăng 7,62% (tương đương với 31,332 tỷ đồng). Từ đó khiến cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều có xu hướng tăng so với năm 2022. Hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 19,43% lên 19,85%; hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 24,12% đến 24,77%.



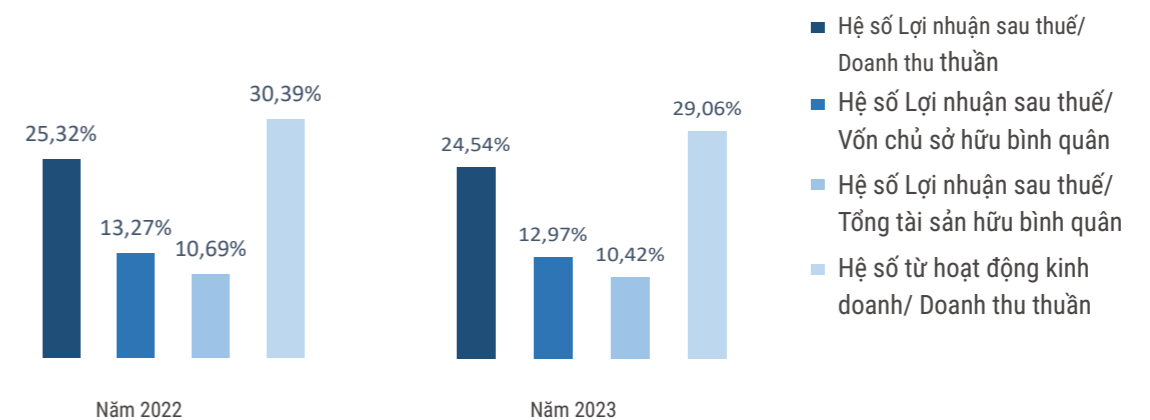
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 7,16 vòng lên 8 vòng. Hàng tồn kho của Công ty đã tăng khoản 550 triệu đồng chủ yếu là việc Công ty dự trữ các thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lượng kế...) để phục vụ cho các mục tiêu mở rộng mạng lưới cung ứng nước sạch, nhưng với việc tăng giá vốn cung cấp nước sạch và giá vốn từ hoạt động thu phí bảo vệ môi trường đã làm cho tốc độ tăng trong lượng hàng tồn kho bình quân thấp hơn tốc độ tăng trong giá vốn hàng bán, dẫn đến biến động tăng trong hàng tồn kho. Vòng quay tổng tài sản vẫn giữ ổn định, cho thấy năng lực hoạt động của Công ty vẫn giữ mức ổn định.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2023, các hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần tăng, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân; hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đều giảm nhẹ so với năm 2022.





Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

29.400.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

29.400.000 cổ phiếu



Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng/ cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 29/12/2023)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	291	29.350.100	99,759%
1	Nhà nước	01	18.816.000	64,000%
2	Tổ chức	02	9.519.510	32,38%
3	Cá nhân	288	1.014.590	3,45%
II	Cổ đông nước ngoài	02	49.900	0,17%
1	Tổ chức	02	49.900	0,17%
2	Cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	293	29.400.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

Danh sách cổ đông lớn

(tính đến ngày 29/12/2023)

Danh sách cổ đông lớn trên 5%	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	18.816.000	64,00%
Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	5.109.510	17,38%
Công ty TNHH Hoàn Cầu	4.410.000	15,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ Không có

Các chứng khoán khác Không có



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quy trình sản xuất, việc sử dụng các hóa chất như CLO và PAC là không thể tránh khỏi để đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý. Để đảm bảo an toàn và chất lượng, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre luôn tuân thủ các quy định và hướng dẫn về liều lượng và nồng độ của các hóa chất này. Đồng thời, việc lựa chọn ống nước làm từ nhựa uPVC, HDPE và thực hiện bảo dưỡng, vệ sinh định kỳ, kiểm tra thường xuyên các điểm đấu nối, thay thế các tuyến ống cũ là biện pháp hữu ích để giảm thiểu rủi ro thất thoát nước và đảm bảo chất lượng sản phẩm nước sạch.

Tiêu thụ năng lượng

Điện là nguồn năng lượng chủ yếu được sử dụng trong quy trình sản xuất và cung cấp nước. Chi phí điện đang chiếm một tỷ trọng lớn, để giảm chi phí và tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, Công ty có thực hiện điều chỉnh thời gian vận hành hệ thống bơm của các nhà máy, và thay thế các thiết bị cũ bằng các thiết bị hiện đại tiết kiệm năng lượng.

Ngoài ra, Công ty cũng chủ trương nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc tiết kiệm các nguồn năng lượng, đặc biệt là điện trong quá trình làm việc.



Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn định hướng rõ ràng doanh nghiệp không thể hoạt động và phát triển bền vững nếu không có yếu tố con người. Toàn thể cán bộ công nhân viên phải là những người có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao và luôn đoàn kết hợp tác làm việc thì mới tạo nên được sự thành công của doanh nghiệp. Chính vì vậy, doanh nghiệp luôn chú trọng vào các công tác tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện đội ngũ nhân viên tài giỏi để thực các mục tiêu đã đề ra.

Bên cạnh đó, BEWACO cũng thường xuyên theo dõi, đánh giá năng lực của cả bộ máy quản lý và cán bộ nhân viên để tiến hành củng cố, bố trí công việc phù hợp cho từng bộ phận để tất cả các phòng ban đều đạt được hiệu quả lao động cao nhất.

Đặc biệt luôn cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết và tạo mọi điều kiện làm để người lao động có thể tự do sáng tạo, phát huy hết khả năng của bản thân. Đề ra các quy định, chính sách lương thưởng cụ thể, minh bạch và đảm bảo tính công bằng cho tất cả công nhân viên.

Bên cạnh đào tạo về năng lực chuyên môn, Công ty tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức và người lao động rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, BEWACO tổ chức Hội thao truyền thống hàng năm gồm 2 môn Bóng đá mini nam và Bóng chuyền hơi nữ với 200 vận động viên và người lao động tham gia.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Bên cạnh việc đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người tiêu dùng luôn đạt các tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng, Công ty cũng luôn ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường thông qua việc thực hiện nghiêm chỉnh các hoạt động khai thác, xử lý rác và xả thải đều theo đúng quy định. Ngoài ra, không ngừng tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của toàn thể cán bộ nhân viên trong công ty về bảo vệ môi trường, xây dựng một xã hội xanh – sạch – đẹp.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty phối hợp với địa phương tổ chức trao tặng nhà tình thương cho hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở. Với chủ trương ban đầu là không vì lợi ích kinh tế của Công ty mà bỏ qua đi lợi ích của cộng đồng, BEWACO luôn tích cực triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR), tham gia các chiến dịch thiện nguyện, giúp đỡ người dân có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

Tiêu thụ nước

Công ty luôn chú trọng vào việc khai thác và sử dụng tài nguyên nước một cách hợp lý và bền vững. Trước những vấn đề liên quan đến hạn hán, ô nhiễm môi trường và xâm nhập mặn, Công ty đang tìm kiếm các phương án để giảm thiểu lãng phí và bảo vệ nguồn nước.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong năm 2024
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán





Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty



Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được hưởng nhiều sự quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện từ phía các cơ quan chức năng của Nhà nước, cũng như ban lãnh đạo của tỉnh, UBND, HĐND và các sở, ban ngành khác của tỉnh Bến Tre.

Với hơn 31 năm hoạt động, BEWACO đã xây dựng được một hệ thống chặt chẽ, tích lũy nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực cấp nước. Sự tin tưởng từ các cổ đông và uy tín với người tiêu dùng đã làm nền tảng vững chắc cho Công ty, giúp thúc đẩy các chiến lược tăng trưởng và tạo ra giá trị cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Bên cạnh đó, do nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng, đặc biệt là trong bối cảnh chất lượng

đời sống xã hội được nâng cao, BEWACO đã có lợi thế về thị trường. Hướng phát triển của công ty tập trung vào đầu tư cơ sở hạ tầng và ứng dụng công nghệ hiện đại, từ đó cung cấp nước sạch với tiêu chuẩn cao và hạn chế thất thoát nước. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn giúp giảm rủi ro và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

BEWACO cũng đã xây dựng được bộ máy quản lý có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành, cùng với đội ngũ công nhân viên chuyên nghiệp luôn quyết tâm, nỗ lực phấn đấu và cống hiến hết sức mình cho sự phồn thịnh chung của doanh nghiệp.



Hiện nay, một trong những khó khăn lớn nhất mà các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cung cấp nước sạch đang phải đối mặt là tác động của biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của hiện tượng EL Nino, cùng với những biến động thiên tai không lường trước được. Tình hình xâm nhập mặn, hạn hán đặt ra thách thức không nhỏ đối với lãnh đạo doanh nghiệp trong việc đưa ra các chính sách, chiến lược điều hành, khắc phục và giải quyết các vấn đề này. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo trong quản lý, cũng như nguồn vốn để đầu tư vào công nghệ và hạ tầng để tăng cường khả năng chống chọi với các thách thức môi trường.

Bên cạnh đó, việc quản lý giá thành sản phẩm nước sạch cũng là một khó khăn đáng kể đối với các doanh nghiệp trong ngành. Giá thành sản phẩm nước sạch phụ thuộc vào nhiều yếu tố như

chi phí nguyên vật liệu, cơ sở hạ tầng, và chi phí vận hành. Việc điều chỉnh giá bán nước sạch phải tuân thủ các quy định của Nhà nước, nhưng đôi khi lại không đủ linh hoạt để phản ánh đúng các biến động chi phí. Từ đó gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, với những đổi mới trong thể chế, chính sách và quy định theo hướng xã hội hóa ngành nước trong những năm gần đây vừa tạo ra cơ hội, vừa tạo ra thách thức cho BEWACO và các doanh nghiệp khác trong ngành về việc thay đổi và thích ứng với mục tiêu phát triển chung do Nhà nước đề ra. Việc thích ứng và tuân thủ các quy định mới đòi hỏi sự đầu tư lớn vào cải thiện hệ thống, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường trách nhiệm xã hội.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Trong năm 2023, Công ty đã đầu tư cải tạo hệ thống cấp thoát nước, kiểm soát tốt được chất lượng nước; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước; nâng cao được hiệu quả chống thất thoát nước qua các biện pháp theo dõi, kiểm tra, rà soát và kịp thời sửa chữa, thay thế các đường ống có hiện tượng rò rỉ.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, làm giảm được mức tỷ lệ tồn thu của công ty.
- Tăng cường hiệu quả công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị, đảm bảo sức khỏe tài chính và mức độ hiệu quả trong việc sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp. Đồng thời, đưa ra một số đề xuất, phối hợp với UBND tỉnh và các ban ngành có liên quan, thực hiện một số phương án, công trình chống ngập mặn, hạn chế ô nhiễm nguồn nước.
- Ngoài ra, Công ty đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, sắp xếp lại nhân sự trong tổ chức bộ máy, thực hiện phân quyền, phân cấp để các đơn vị trong Công ty có thể chủ động trong điều hành sản xuất.





Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Tính đến thời điểm cuối năm 2023, tổng tài sản của Công ty được ghi nhận là 552,235 tỷ đồng, tăng hơn 41 tỷ đồng đồng so với năm 2022. Nhìn chung, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng nhẹ so với cùng kỳ, do tiền và tài sản tương đương tiền tăng gần 40 tỷ đồng so với năm ngoái. Tuy nhiên, tài sản dài hạn vẫn giữ tỷ trọng chủ yếu. Trong đó, tài sản ngắn hạn và dài hạn lần lượt chiếm 16,58% và 83,42% tổng tài sản. Cơ cấu của từng nhóm tài sản cụ thể như sau:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	51.541	10,10%	91.584	16,58%	40.042	77,69%
Tài sản dài hạn	458.927	89,90%	460.652	83,42%	1.725	0,38%
Tổng tài sản	510.468	100,00%	552.235	100,00%	41.767	8,18%

Tài sản ngắn hạn

- Các khoản tương đương tiền, khoản phải thu và hàng tồn kho là các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.
- Tại thời điểm cuối năm, khoản phải thu của Công ty đạt 15,5 tỷ đồng, ổn định so với năm 2022 do Công ty thu hồi các khoản thu ngắn hạn khách hàng từ các hộ dân, Sở Tài chính – Vốn phí BVMT, Công ty CP khai thác xây dựng Vận tải Phương Nam,...
- Tiền và các khoản tương đương tiền đạt gần 63 tỷ đồng, tăng 172,49% so với năm trước chủ yếu đến từ việc tăng hơn 50 tỷ các khoản tiền gửi không có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng.
- Hàng tồn kho đạt 10 tỷ đồng, giảm 5,23% với năm 2022, do hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước nên hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là thiết bị, vật liệu như ống nước, thủy lượng kế...

Tài sản dài hạn

Tại thời điểm cuối năm 2023, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất khi đóng góp hơn 75,35% tổng tài sản dài hạn của Công ty và giảm 3,04% so với cuối năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu của giảm tài sản cố định này là do Công ty đã thực hiện thanh lý tài sản các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Nhìn chung, tài sản dài hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2023 đạt 460 tỷ đồng, tương đương với mức tăng nhẹ khoảng 0,38% so với năm 2022.

Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023 đạt khoản 109 tỷ đồng, tăng 10,52% so với năm 2022. Cơ cấu nợ phải trả của BEWACO có sự thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, Nợ ngắn hạn ghi nhận hơn 47 tỷ đồng, giảm 8,71% đến thời điểm cuối năm 2022, nợ ngắn hạn đã chiếm tỷ trọng lớn hơn với tỷ lệ 56,29% trong tổng nợ phải trả. Nợ dài hạn tăng 32,13% so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu là tăng khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn từ các khoản vay bằng vốn ODA và khoản vay bằng dự án đầu tư.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	52.486	52,92%	47.917	43,71%	-4.569	-8,71%
Nợ dài hạn	46.699	47,08%	61.704	56,29%	15.005	32,13%
Tổng nợ	99.185	100,00%	109.620	100,00%	10.435	10,52%





Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đẩy mạnh công tác cải tiến thủ tục hành chính, tăng cường công tác quản lý sản xuất kỹ thuật, chất lượng sản phẩm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, áp dụng các giải pháp công nghệ mới để tiếp tục giảm tiêu hao vật tư, triệt để thực hành tiết kiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD.
- Thực hiện nhiều biện pháp phòng chống thất thoát nước bằng cách phân vùng, tách mạng, lắp đặt các data logger theo dõi vùng, rà soát lại các hệ thống tuyến ống cung cấp nước, thay thế, sửa chữa những đường ống đã cũ, vỡ hay có nguy cơ rò rỉ, ...
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ tại một số vị trí nhằm tăng cường hiệu quả của công tác quản lý.
- Rà soát mức lương của người lao động đảm bảo quy định mức lương tối thiểu vùng theo đúng quy định của Nhà nước
- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.



Kế hoạch phát triển trong năm 2024

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	% KH 2024/ TH 2023
Sản lượng nước sản xuất	m ³	28.219.848	26.861.728	95,19
Sản lượng nước ghi thu	m ³	21.446.686	21.758.000	101,45
Tỷ lệ thất thoát nước	%	24	19	Giảm 5%
Tổng doanh thu	Tr.đ	227.262	230.000	101,2
Tổng chi phí	Tr.đ	160.404	178.000	110,97
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	66.858	52.000	77,78
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	55.392	43.000	77,62

(Kế hoạch kinh doanh 2024 sẽ trình ở ĐHCĐ thường niên 2024)

Biện pháp triển khai thực hiện

Về quản lý tài chính

- Tập trung phát triển tiềm lực tài chính mạnh, thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mạng rộng mạng lưới cung cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, từ đó gia tăng số lượng khách hàng sử dụng.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư theo nhu cầu của thị trường, lấy nguồn thu để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

Về nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kê cận. Tập trung đào tạo về lý luận chính trị và chuyên môn chuyên ngành cấp nước, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, bồi dưỡng cán bộ trẻ có năng lực.
- Tiếp tục củng cố sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý có chuyên môn giỏi, đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Về quản lý sản xuất

- Tiếp tục phấn đấu thực hiện tăng trưởng giá trị SXKD và đầu tư phát triển hàng năm theo kế hoạch ĐHCĐ đề ra,
- Đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế QCVN 01-1:2018/BYT ngày 14/12/2018.
- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật Tài nguyên nước.
- Tăng cường các biện pháp kỹ thuật trên hệ thống bơm, xử lý, hệ thống đường ống cấp nước. Bên cạnh đó, công nhân viên chức lao động cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị có liên quan của Công ty trong việc nhận bàn giao, đấu nối và điều phối, nâng sản lượng nước sạch từ các hạng mục công trình của các hệ thống cấp nước.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức, trách nhiệm năng lực của nhân

viên quản lý khách hàng sử dụng nước.

- Mở rộng thị trường, gia tăng khách hàng bằng cách nghiên cứu các thị trường tiềm năng, mở rộng mạng lưới đến các khu vực chưa có nước máy.
- Cải tiến công tác ghi thu tiền nước theo chương trình quản lý khách hàng mới
- Tiếp tục thực hiện đề án không thu tiền nước bằng tiền mặt tại nhà khách hàng, mở rộng liên kết thu qua tài khoản ngân hàng, các App, điểm thu hộ... kéo giảm tỷ lệ tồn thu tiền nước đến mức thấp nhất.
- Tiếp tục hoàn chỉnh các quy trình quản lý do đơn vị tư vấn đã xây dựng để đưa vào ứng dụng thực hiện quản lý doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Về phòng chống thất thoát nước

- Để nâng cao hiệu quả trong việc phòng chống thất thoát nước, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đang tập trung vào việc rà soát và triển khai các biện pháp cụ thể nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước. Đầu tiên, việc thực hiện phân vùng và tách mạng để phục vụ cho công tác chống thất thoát nước sẽ giúp tối ưu hóa quản lý và giảm thiểu việc thất thoát nước. Đồng thời, việc kiểm tra thường xuyên hệ thống ống nước, đồng hồ nước cũng như giám sát công tác phát triển khách hàng mới sẽ đảm bảo rằng hệ thống được vận hành hiệu quả và không gặp phải sự cố đáng tiếc nào.
- Các phòng ban trong công ty đang phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sản xuất để tăng cường công tác quản lý kỹ thuật. Bằng cách tìm ra các phương án phù hợp với từng khu vực cụ thể, Công ty đặt mục tiêu sẽ giảm thiểu tỷ lệ thất thoát nước một cách đáng kể. Các buổi họp giao ban định kỳ về chống thất thoát nước cũng được tiếp tục duy trì, nhằm chỉ đạo và động viên nhân viên trong việc thực hiện các biện pháp phòng chống thất thoát nước ở các khu vực như thành phố Bến Tre, Mỏ Cây và Chợ Lách. Công ty cũng ưu tiên ứng dụng các phần mềm quản lý và kiểm soát thất thoát nước trên mạng lưới để tăng cường sự hiệu quả trong công tác quản lý.
- Bằng cách đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng, kịp thời, chúng tôi mong muốn giảm thiểu những tổn thất do hỏng hóc trong hệ thống nước và đảm bảo nguồn nước được cung cấp một cách ổn định và an toàn cho cộng đồng.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Không có



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng phát triển





Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2023, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tiếp tục đối mặt với những thách thức về diễn biến phức tạp của tình trạng xâm nhập mặn cao và thiếu nước ngọt. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực của các cấp quản lý và toàn thể công nhân viên, Công ty đã hạn chế và khắc phục được những khó khăn, từ đó đạt được lợi nhuận sau thuế tăng 28,82% so với kế hoạch đã đề ra từ đầu năm. Điều này là cho thấy hiệu quả của hoạt động kinh doanh của BEWACO, cũng như sự chủ động và khả năng thích ứng của chúng tôi trước những biến động của thị trường và môi trường kinh doanh duy trì tích cực và các kế hoạch được giao phó bởi Đại hội cổ đông đã được hoàn thành tốt.

- ✓ Công ty cũng đã kiểm soát khá tốt các chi phí cố định như khấu hao, bán hàng và quản lý doanh nghiệp, đồng thời đạt được tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm, năng lực phục vụ và dịch vụ khách hàng. Đặc biệt, việc đảm bảo tính rõ ràng và chính xác của các khoản doanh thu và chi phí đã được đặc biệt chú trọng. Điều này không chỉ làm tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh mà còn đảm bảo sự minh bạch và chuyên nghiệp trong mọi hoạt động của công ty.
- ✓ Ngoài ra, việc chăm sóc cho nguồn nhân lực là một ưu tiên hàng đầu của Công ty. BEWACO tạo điều kiện thuận lợi và tạo động lực cho nhân viên để họ có thể phát huy tối đa tiềm năng và năng lực của mình. Điều này không chỉ giúp Công ty duy trì một môi trường làm việc tích cực mà còn giữ vững tiến độ và hoàn thành tốt các kế hoạch đã đề ra.

Tóm lại, những thành tựu của Công ty trong năm vừa qua là một minh chứng rõ ràng cho sự cam kết và nỗ lực không ngừng của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre trong việc đối phó với những thách thức và phát triển bền vững trong lĩnh vực cung cấp nước sạch và bảo vệ môi trường. BEWACO tự hào đóng góp vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và gìn giữ nguồn nước sạch cho thế hệ tương lai.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- ✓ Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban do Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo định kỳ hàng tháng, qua đó có ý kiến về những đánh giá kết quả việc thực hiện các công việc có liên quan trong các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong kỳ và ý kiến chỉ đạo, bổ sung vào chương trình công tác tiếp theo của Ban Tổng Giám đốc. Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT điều hành thực hiện giám sát thường xuyên ban lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, đáp ứng được các vấn đề về hoạt động sản xuất - kinh doanh và tài chính.
- ✓ HĐQT thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy luật hiện hành khác; thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- ✓ Công ty tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các cấp quản lý, các phòng ban và toàn thể người lao động. Mục tiêu là tạo ra một sự đoàn kết mạnh mẽ, đồng thời quyết tâm hoàn thành và vượt qua các chỉ tiêu và nhiệm vụ đã được đề ra tại ĐHCĐ. Công ty cũng đang triển khai nghiên cứu và áp dụng các công nghệ mới nhất trong lĩnh vực cấp thoát nước. Công ty có thể đầu tư vào các dự án nghiên cứu và phát triển để tạo ra các giải pháp tiên tiến, bền vững hơn cho việc cung cấp nước sạch và bảo vệ môi trường.
- ✓ Để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy, kiện toàn các phòng ban và chi nhánh. Mục tiêu là tăng cường chức năng tham mưu và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đáp ứng mọi yêu cầu và nhiệm vụ, phù hợp với phạm vi cung cấp nước và quy mô phát triển của Công ty.
- ✓ Ngoài ra, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty sẽ thực hiện các hoạt động bồi dưỡng và đánh giá năng lực chuyên môn của toàn bộ cán bộ công nhân viên. Đồng thời, sẽ bổ sung lực lượng kế cận cho công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp, nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc và đảm bảo mọi hoạt động diễn ra một cách trơn tru.
- ✓ Cuối cùng, Công ty cũng đặt mục tiêu tăng cường phát triển chất lượng dịch vụ khách hàng và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý khách hàng. Điều này nhằm thích ứng với bối cảnh mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và nâng cao sự hài lòng của họ. Đây là bước đi quan trọng để Công ty không chỉ phát triển mạnh mẽ mà còn tạo ra sự đáng tin cậy và thu hút đối với khách hàng.



05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát



Hội đồng quản trị

Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	14.994.000	51%	7.770	0,026%
2	Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT chuyên trách	3.822.000	13%	6.300	0,021%
3	Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.410.000	15%	-	-
4	Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	-	-	1.365	0,005%
5	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT không chuyên trách	5.109.510	17,379%	300	0,001%

Lý lịch Hội đồng quản trị

01

ÔNG TRẦN HÙNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày sinh : 13/12/1972 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : Số 175/2 C1, Trần Quốc Tuấn, Khu phố 2, Phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Đô thị - chuyên ngành cấp nước; Cử nhân Luật.

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
06/1991 - 10/1992	Công nhân vận hành tại Nhà máy nước Sơn Đông, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
11/1992-06/1994	Nhân viên thu ngân tại phòng Kinh doanh, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
07/1994- 12/1998	Công nhân vận hành tại Nhà máy nước Sơn Đông, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
01/1999-01/2002	Nhân viên tại phòng Kỹ thuật, Công ty cấp thoát nước Bến Tre.
02/2002-07/2010	Phó phòng Kỹ Thuật, Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bến Tre.
08/2002 - 11/2015	Giám đốc XN Tư vấn Xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
12/2015 - 12/2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.
01 /2019 – 01/2023	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023- nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 14.994.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ (đại diện cho UBND tỉnh Bến Tre).
- Sở hữu cá nhân: 7.770 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ.





Hội đồng quản trị

Lý lịch Hội đồng quản trị

02

ÔNG PHAN ĐÌNH TÂN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (KHÔNG CHUYÊN TRÁCH)

Ngày sinh : 10/09/1954 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : số 27A Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1989 - 2000	Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu
2000 - 2016	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu
2015 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
2017 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 4.410.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ(đại diện cho Công ty TNHH Hoàn Cầu).
- Sở hữu cá nhân: Không có

03

BÀ NGUYỄN THY PHƯƠNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (KHÔNG CHUYÊN TRÁCH)

Ngày sinh : 1989 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : 331/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
2011 - 2012	CBNV Công ty CP SX Nhựa Duy Tân
2012 - 2014	CBNV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
2014- 2018	CBNV Ngân hàng TMCP Quân Đội
2018 - nay	CBNV Công ty CP Tập Đoàn Đầu tư Hoàng Gia Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác :

Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch Việt Nam Hà Nội

Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: 5.109.510 cổ phần, chiếm 17,379% vốn điều lệ(đại diện cho CTCP Cấp thoát nước Thủy Anh).
- Sở hữu cá nhân: 300 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ

Ông Trần Thanh Bình, Ông Phan Thanh Bình

(Xem ở phần lý lịch của Ban điều hành)

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật.
- Bằng nhiều hình thức HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất để thực hiện chức năng giám sát và định hướng hoạt động của Công ty theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã đề ra. 100% thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, tích cực góp ý cho kế hoạch hoạt động của Công ty, góp ý cho công tác điều hành của Tổng giám đốc, bàn bạc thống nhất và cho ý kiến đối với những đề xuất của Ban Điều hành để mọi hoạt động sản xuất kinh doanh được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.
- Mỗi thành viên đều thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định. Chủ tịch HĐQT tích cực tham gia các cuộc họp giao ban công ty để dễ dàng nắm bắt tình hình hoạt động, theo dõi tình hình tài chính, hoạt động đầu tư phát triển,... chỉ đạo kịp thời đề công ty hoạt động đảm bảo an toàn về tài chính, phát triển nguồn vốn, đạt hiệu quả cao trong hoạt động đầu tư. Có 2 thành viên HĐQT là TGD và phó TGD phụ trách kỹ thuật nên thuận lợi trong công tác phối hợp điều hành cùng với HĐQT.
- HĐQT chỉ đạo thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	07/07	100%	-
2	Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT	07/07	100%	-
3	Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	07/07	100%	-
4	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên HĐQT	0	0	01 buổi vắng, lý do đi công tác, 1 buổi ủy quyền bà Nguyễn Thy Phương dự
5	Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	07/07	100%	-
6	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT	04/05	100%	01 buổi ủy quyền ông Hà Học Duy dự
7	Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	Chủ tịch HĐQT	0	0	Miễn nhiệm nghỉ hưu

Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
01	Số 35/NQ-HĐQT	23/3/2023	Về việc thống nhất thông qua các nội dung trong cuộc họp HĐQT quý IV-2022	100%
02	Số 36/NQ-HĐQT	23/3/2023	Về việc gia hạn thời gian Đại hội cổ đông thường niên 2023 và ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách Cổ đông tham dự ĐH	100%
03	Số 37/NQ-HĐQT	30/3/2023	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Người quản lý và Người lao động Công ty năm 2022	100%
04	Số 38/NQ-HĐQT	25/5/2023	Về việc thông qua các nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 25/5/2023	100%
05	Số 39/NQ-HĐQT	02/6/2023	Về vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	100%
06	Số 40/NQ-HĐQT	02/6/2023	Về vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bến Tre	100%
07	Số 42/NQ-HĐQT	28/6/2023	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền chi trả cổ tức đợt cuối năm 2022	100%
08	Số 43/NQ-HĐQT	07/07/2023	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Người quản lý và Người lao động Công ty năm 2023	100%
09	Số 44/NQ-HĐQT	10/07/2023	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	100%
10	Số 45/NQ-HĐQT	22/08/2023	Về việc thông qua các nội dung tại cuộc họp HĐQT ngày 22/8/2023	100%
11	Số 46/NQ-HĐQT	22/08/2023	Về việc bổ sung Kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023	100%
12	Số 47/NQ-HĐQT	16/11/2023	Về việc thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT quý III/2023	100%
13	Số 48/NQ-HĐQT	16/11/2023	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023	100%
14	Số 49/NQ-HĐQT	18/12/2023	Về việc thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng	100%

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/QĐ-HĐQT	04/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
02	02/QĐ-HĐQT	05/01/2023	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hạng mục ống HDPE D225
03	03/QĐ-HĐQT	05/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Sửa chữa Nhà hóa chất
04	3A/QĐ-HĐQT	05/01/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
05	4A/QĐ-HĐQT	06/01/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
06	4/QĐ-HĐQT	06/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ nước DN15mm-Multimag phục vụ công tác lắp đặt mới Quý I/2023
07	05/QĐ-HĐQT	06/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: sửa chữa nhà hóa chất
08	06/QĐ-HĐQT	07/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và 63
09	07/GUQ-CTN	07/01/2023	Giấy ủy quyền v/v Ký các chứng từ thu, chi tiền mặt; các thủ tục thi công, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản của Công ty.; Ký các hợp đồng, thanh lý hợp đồng có giá trị thanh toán dưới 70.000.000 VNĐ (Bảy mươi triệu Việt Nam đồng).; Ký các chứng từ ngân hàng (cần gấp) khi Chủ tịch HĐQT đi công tác
10	08/QĐ-HĐQT	07/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
11	9A/QĐ-HĐQT	09/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
12	9/QĐ-HĐQT	09/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán Công trình: Đường dây trung thế 22kV và Trạm 400 kVA xã Sơn Định huyện Chợ Lách
13	10/QĐ-HĐQT	09/01/2023	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh dự toán Công trình: Đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 400 kVA xã Châu Hòa huyện Giồng Trôm

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
14	11A/QĐ-HĐQT	10/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình hàng rào và lát gạch vỉa hè NMN Sơn Đông
15	11/QĐ-HĐQT	10/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN15mm-Multimag phục vụ công tác lắp đặt mới Quý I/2023
16	12/QĐ-HĐQT	10/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
17	13/QĐ-HĐQT	11/01/2023	Quyết định phê duyệt chỉ định nhà thầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm dự án Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu Công nghiệp Giao Long - Gói thầu thi công gói số 2
18	14/QĐ-HĐQT	13/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN 15mm-Multimag phục vụ công tác lắp đặt mới Quý I/2023
19	15/QĐ-HĐQT	13/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
20	16/QĐ-HĐQT	14/01/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và 63
21	16/QĐ-HĐQT	14/01/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và 63
22	18/QĐ-HĐQT	17/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hạng mục ống HDPE D225
23	19/QĐ-HĐQT	17/01/2023	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Đường dây trung thế 22kV và trạm 400 kVA xã Sơn Định huyện Chợ Lách
24	20/QĐ-HĐQT	17/01/2023	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Công trình: Đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 400 kVA xã Châu Hòa huyện Giồng Trôm
25	21/QĐ-HĐQT	17/01/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Sửa chữa Nhà hóa chất
26	22/QĐ-HĐQT	17/01/2023	Quyết định v/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp: Hàng rào và lát gạch vỉa hè NMN Sơn Đông



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
27	23/QĐ-HĐQT	18/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hạng mục ống HDPE D225
28	24/QĐ-HĐQT	18/01/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
29	25/QĐ-HĐQT	27/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (lần 3) công trình: Chi nhánh cấp nước Mỏ Cày năm 2021. Hạng mục bể chứa nước sạch 1000m ³ trạm tăng áp Hàm Luông
30	26/QĐ-HĐQT	28/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hạng mục ống HDPE D225
31	27/QĐ-HĐQT	28/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc (đợt 1/2022). Hạng mục ống HDPE D160 và uPVC D168
32	28/QĐ-HĐQT	28/01/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật (lần 4) công trình Chi nhánh cấp nước Mỏ Cày năm 2021. Hạng mục bể chứa nước sạch 1000 m ³ trạm tăng áp Hàm Luông
33	29/QĐ-HĐQT	28/01/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn mời thầu công trình: thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
34	30/QĐ-HĐQT	31/01/2023	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Bùi Văn Minh
35	31/QĐ-HĐQT	01/02/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình: Sửa chữa Nhà hóa chất
36	32/QĐ-HĐQT	01/02/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hạng mục ống HDPE D225
37	33/QĐ-HĐQT	02/02/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công dự toán công trình: Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
38	34-35/QĐ-HĐQT	03/02/2023	Quyết định về mức lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
39	36/QĐ-HĐQT	04/02/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2022. Hạng mục ống cấp nước các loại
40	37A/QĐ-HĐQT	06/02/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre - đợt 1/2022

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
41	37/QĐ-HĐQT	06/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống uPVC D114 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước Mỏ Cày Bắc đợt 2/2022
42	38/QĐ-HĐQT	06/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán dịch vụ kiểm tra, sửa chữa đồng hồ DN 15mm Multimag đã qua sử dụng
43	39/QĐ-HĐQT	07/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc đợt 1/2022. Hạng mục ống HDPE D160 và uPVC D168
44	40/QĐ-HĐQT	10/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ kiểm tra, sửa chữa đồng hồ DN 15mm hiệu Multimag đã qua sử dụng
45	41/QĐ-HĐQT	10/02/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với công trình Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu, Hạng mục: ống cấp nước các loại
46	42/QĐ-HĐQT	17/02/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu tư vấn mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng gói thầu Ống HDPE D160 và uPVC D168 công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc (đợt 1/2022)
47	43/QĐ-HĐQT	18/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT công trình Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
48	44/QĐ-HĐQT	21/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh qua mạng E-HSMT gói thầu xây lắp: Khoan đặt 2 ống HDPE D250 vượt sông. Công trình Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
49	45/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu dịch vụ kiểm tra, sửa chữa đồng hồ DN15mm hiệu Multimag đã qua sử dụng
50	46/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trạm bơm tăng áp Chệt Sậy. Hạng mục lắp đặt máy bơm P=18.5kW, biến tần và nhà bao che
51	47/QĐ-HĐQT	24/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh qua mạng E-HSMT gói thầu xây lắp: ống HDPE D160 và uPVC D168. Công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc (đợt 1/2022)
52	48/QĐ-HĐQT	28/02/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ nước DN 15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2023
53	49A/QĐ-HĐQT	01/03/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn có giá trị dưới 0.5 tỷ; gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa có giá trị dưới 5 tỷ đồng



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
54	49/QĐ-HĐQT	28/02/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới
55	50/QĐ-HĐQT	03/03/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Thay thế ống cấp nước trên cầu Bình Chánh năm 2023. Hạng mục ống HDPE D225
56	51/QĐ-HĐQT	03/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN 15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2023
57	52/QĐ-HĐQT	07/03/2023	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
58	53/QĐ-HĐQT	14/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa qua mạng gói thầu cung cấp đồng hồ nước DN15mm (không có chức năng đọc dữ liệu từ xa)
59	54/QĐ-HĐQT	17/03/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới
60	55/QĐ-HĐQT	17/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
61	56A/QĐ-HĐQT	20/03/2023	Quyết định phê duyệt gia hạn thời gian đánh giá E-HSDT gói thầu Khoan đặt 2 ống HDPE D250 vượt sông. Công trình: tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
62	56/QĐ-HĐQT	17/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu của E-HSMT của gói thầu Khoan đặt 2 ống HDPE D250 vượt sông thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
63	57/QĐ-HĐQT	22/03/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
64	58/QĐ-HĐQT	22/03/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miếu 2
65	59/QĐ-HĐQT	24/03/2023	Quyết định vv phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình thay thế ống cấp nước dọc dự án đường gom vào cầu Rạch Miếu 2
66	60/QĐ-HĐQT	24/03/2023	Quyết định phê duyệt hủy thầu gói thầu ống HDPE D160 và uPVC D168. Công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc đợt 1/2022

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
67	61/QĐ-HĐQT	30/03/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: Khoan đặt 2 ống HDPE D250 vượt sông công trình: Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
68	62/QĐ-HĐQT	30/03/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023. Hạng mục ống cấp nước HDPE D125
69	63/QĐ-HĐQT	31/03/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc (đợt 1/2022). Hạng mục ống HDPE D160 và uPVC D168
70	64/QĐ-HĐQT	01/04/2023	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới
71	65/QĐ-HĐQT	01/04/2023	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động Nguyễn Thị Tuyết Vy
72	66/QĐ-HĐQT	07/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN15mm (không có chức năng đọc dữ liệu từ xa) thuộc Dự toán mua sắm đồng hồ nước DN 15mm cho Công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2023
73	67A/QĐ-HĐQT	10/04/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1. Hạng mục ống HDPE D225
74	67/QĐ-HĐQT	10/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới
75	68/QĐ-HĐQT	13/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường dây trung thế 22kV và trạm 400kVA xã Sơn Định, huyện Chợ Lách
76	69/QĐ-HĐQT	13/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 400kVA xã Châu Hòa - huyện Giồng Trôm.
77	70/QĐ-HĐQT	18/04/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
78	71/QĐ-HĐQT	18/04/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
79	72/QĐ-HĐQT	19/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm ống HDPE D125 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
80	73/QĐ-HĐQT	19/04/2023	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Đường dây trung thế 22kV và trạm 400kVA xã Sơn Định, huyện Chợ Lách
81	74/QĐ-HĐQT	19/04/2023	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 400kVA xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm
82	75/QĐ-HĐQT	22/04/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới
83	76/QĐ-HĐQT	21/04/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
84	77/QĐ-HĐQT	24/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D125 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023
85	78/QĐ-HĐQT	24/04/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp: ống HDPE D160 và uPVC D168. Công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc đợt 1/2022
86	79/QĐ-HĐQT	24/04/2023	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Phan Huỳnh Tiến
87	80/QĐ-HĐQT	25/04/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình: Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
88	81/QĐ-HĐQT	26/04/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa nhà làm việc Đội QLM&SC năm 2023
89	82/QĐ-HĐQT	26/04/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: Sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
90	83/QĐ-HĐQT	28/04/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: thay thế ống cấp nước trên cầu Bình Chánh năm 2023. Hạng mục ống HDPE D225
91	84/QĐ-HĐQT	28/04/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: sửa chữa nhà làm việc Đội QLM &SC năm 2023
92	85/QĐ-HĐQT	04/05/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công - Dự toán công trình Sửa chữa nhà làm việc Đội QLM SC năm 2023
93	86/QĐ-HĐQT	08/05/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu: lắp biển báo hai bên bờ báo hiệu công trình ngầm. Công trình tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
94	87/QĐ-HĐQT	10/05/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D125 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023
95	88/QĐ-HĐQT	12/05/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp: Đường dây trung thế 22kV và trạm 400kVA xã Sơn Định, huyện Chợ Lách
96	89/QĐ-HĐQT	12/05/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình : đường dây trung thế 22kV và Trạm biến áp 400kVA- xã Châu Hòa huyện Giồng Trôm
97	90/QĐ-HĐQT	12/05/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu tư vấn giám sát công trình : đường dây trung thế 22kV và Trạm biến áp 400kVA- xã Châu Hòa huyện Giồng Trôm
98	91/QĐ-HĐQT	12/05/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu tư vấn giám sát công trình : đường dây trung thế 22kV và Trạm 400kVA- xã Sơn Định huyện Chợ Lách
99	92/QĐ-HĐQT	16/05/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm ống HDPE D225 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1
100	93/QĐ-HĐQT	22/05/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D225 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1
101	94/QĐ-HĐQT	25/05/2023	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
102	96/QĐ-HĐQT	01/06/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ
103	97/QĐ-HĐQT	01/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D225 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1
104	98/QĐ-HĐQT	02/06/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc - Phan Thành Nhân
105	99A/QĐ-HĐQT	01/06/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn có giá trị dưới 0,5 tỷ; gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa có giá trị dưới 5 tỷ đồng
106	99/QĐ-HĐQT	03/06/2023	Quyết định về mức lương của Phó Tổng Giám đốc - Phan Thành Nhân
107	100/QĐ-HĐQT	05/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
108	101/QĐ-HĐQT	07/06/2023	Quyết định về việc thành lập Hội đồng lương của Công ty



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
109	102/QĐ-HĐQT	10/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm phụ tùng gang các loại công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1
110	103/QĐ-HĐQT	10/06/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
111	104/QĐ-HĐQT	13/06/2023	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình thay thế ống cấp nước trên cầu Bình Chánh năm 2023. Hạng mục ống HDPE D225
112	105/QĐ-HĐQT	15/06/2023	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật công trình: Sửa chữa nhà làm việc Đội QLM&SC năm 2023
113	106/QĐ-HĐQT	16/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm cánh bơm cho máy bơm chìm 110kW trạm bơm nước thô Cái Cỏ
114	107/QĐ-HĐQT	19/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp phụ tùng gang các loại phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1
115	108/QĐ-HĐQT	23/06/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
116	110/QĐ-HĐQT	23/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm cát thạch anh phục vụ công tác thay thế cát cho 03 bể lọc tại Nhà máy nước An Hiệp
117	111/QĐ-HĐQT	23/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm chìm 110kW trạm bơm nước thô Cái Cỏ
118	112/QĐ-HĐQT	23/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình sửa chữa nhà làm việc Đội QLM&SC năm 2023
119	113/QĐ-HĐQT	26/06/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu: thuê hoàn trả bê tông nhựa. Công trình:Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
120	114/QĐ-HĐQT	27/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp cát thạch anh phục vụ công tác thay thế cát cho 03 bể lọc tại nhà máy nước An Hiệp
121	115/QĐ-HĐQT	28/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp phụ tùng gang các loại phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 1
122	116A/QĐ-HĐQT	01/07/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình nạo vét miệng lấy nước Trạm bơm nước thô Cái Cỏ

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
123	116/QĐ-HĐQT	29/06/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình thay thế ống cấp nước trên cầu Bình Chánh năm 2023. Hạng mục ống HDPE D225
124	117/QĐ-HĐQT	03/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Hàng rào và lát gạch vỉa hè NMN Sơn Đông
125	118A/QĐ-HĐQT	03/07/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình nạo vét miệng lấy nước trạm bơm nước thô Cái Cỏ
126	118/QĐ-HĐQT	03/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Sửa chữa Nhà hóa chất
127	119/QĐ-HĐQT	03/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lớ
128	120/QĐ-HĐQT	04/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp cánh bơm cho máy bơm chìm 110kW trạm bơm nước thô Cái Cỏ
129	121/QĐ-HĐQT	04/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre
130	122/QĐ-HĐQT	08/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
131	123/QĐ-HĐQT	10/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm ống HDPE D110 phục vụ sửa chữa mạng lưới cấp nước
132	124/QĐ-HĐQT	10/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 400kVA - xã Châu Hòa huyện Giồng Trôm
133	125/QĐ-HĐQT	11/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
134	126/QĐ-HĐQT	11/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
135	127/QĐ-HĐQT	11/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Trạm bơm tăng áp Chệt Sậy. Hạng mục lắp đặt máy bơm P=18.5kW, biển tần và nhà bao che
136	128/QĐ-HĐQT	13/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và 63
137	129/QĐ-HĐQT	13/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D110 phục vụ sửa chữa mạng lưới cấp nước



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
138	130/QĐ-HĐQT	13/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường dây trung thế 22kV và trạm 400kVA- xã Sơn Định huyện Chợ Lách
139	131/QĐ-HĐQT	14/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp cát thạch anh phục vụ công tác thay thế cát cho 03 bể lọc tại nhà máy nước An Hiệp
140	132/QĐ-HĐQT	14/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Thay thế ống cấp nước trên cầu Bình Chánh năm 2023. Hạng mục ống HDPE D225
141	133/QĐ-HĐQT	14/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình: Thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
142	134/QĐ-HĐQT	14/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Sửa chữa nhà làm việc Đội QLM&SC năm 2023
143	135/QĐ-HĐQT	20/07/2023	Quyết định phê duyệt dự toán (bổ sung) công trình: Sửa chữa nhà hóa chất
144	136/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới
145	137/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
146	138/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: nạo vét miệng lấy nước trạm bơm nước thô Cái Cỏ
147	139/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu và thời gian lựa chọn nhà thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Sửa chữa nhà làm việc Đội QLM&SC năm 2023
148	140/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
149	141/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sửa chữa nhà hóa chất
150	142/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 1/2023). Hạng mục ống nhánh HDPE D63
151	143/QĐ-HĐQT	21/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Lắp đặt ống cấp nước cầu Miếu Cái Đồi và cầu Ông Lới

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
152	144/QĐ-HĐQT	22/07/2023	Quyết định phê duyệt dự toán (bổ sung) công trình: Hàng rào và lát gạch vỉa hè nhà máy nước Sơn Đông
153	145/QĐ-HĐQT	24/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu và thời gian lựa chọn nhà thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Thay thế ống cấp nước trên cầu Bình Chánh năm 2023. Hạng mục ống HDPE D225
154	146/QĐ-HĐQT	24/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 3/2022)
155	147/QĐ-HĐQT	24/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D110 phục vụ sửa chữa mạng lưới cấp nước
156	148/QĐ-HĐQT	24/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: sửa chữa phòng điều khiển trạm bơm cấp 2 - Nhà máy nước An Hiệp
157	149/QĐ-HĐQT	24/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu và thời gian lựa chọn nhà thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Sơn sửa chữa Trạm bơm nước thô Cái Cỏ
158	150/QĐ-HĐQT	25/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cây Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và 63
159	151/QĐ-HĐQT	25/07/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm đợt 1/2023
160	152/QĐ-HĐQT	25/07/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: thay thế ống cấp nước trên cầu Bình Chánh năm 2023
161	153/QĐ-HĐQT	25/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào Cầu Rạch Miễu 2
162	154/QĐ-HĐQT	28/07/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Trạm bơm tăng áp Chệt Sậy
163	155/QĐ-HĐQT	29/07/2023	Quyết định phê duyệt dự toán (bổ sung) công trình thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
164	156/QĐ-HĐQT	29/07/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Sửa chữa Nhà hóa chất
165	157/QĐ-HĐQT	04/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm PAC phục vụ công tác sản xuất nước tại nhà máy nước Sơn Đông và nhà máy nước Lương Quới Quý III/2023



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
166	158/QĐ-HĐQT	04/08/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Hàng rào và lát gạch vỉa hè Nhà máy nước Sơn Đông
167	159/QĐ-HĐQT	09/08/2023	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 1/2023). Hạng mục ống nhánh HDPE D63
168	160/QĐ-HĐQT	09/08/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Trạm bơm tăng áp Chệt Sậy. Hạng mục lắp đặt máy bơm P=18.5kW, biến tần và nhà bao che
169	161/QĐ-HĐQT	11/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp PAC phục vụ công tác sản xuất nước tại nhà máy nước Sơn Đông và nhà máy nước Lương Quới Quý III/2023
170	162A/QĐ-HĐQT	15/08/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước dọc kênh Chín Tế. Hạng mục ống cấp nước HDPE D63
171	162/QĐ-HĐQT	12/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm bộ thiết bị nghe rò rỉ ống nước
172	163/QĐ-HĐQT	17/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 1/2023). Hạng mục ống nhánh HDPE D63
173	164/QĐ-HĐQT	18/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp bộ thiết bị nghe rò rỉ ống nước
174	165/QĐ-HĐQT	18/08/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 1/2023).Hạng mục ống nhánh HDPE D63
175	166/QĐ-HĐQT	21/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp PAC phục vụ công tác sản xuất nước tại nhà máy nước Sơn Đông và nhà máy nước Lương Quới Quý III/2023
176	167/QĐ-HĐQT	23/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ đo lưu lượng DN400
177	168A/QĐ-HĐQT	24/08/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đào hồ chứa nước ngọt Nhà máy nước An Hiệp năm 2023
178	168B/QĐ-HĐQT	24/08/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở điều chỉnh dự án Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
179	168/QĐ-HĐQT	23/08/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng dự án Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về khu công nghiệp Giao Long
180	169A/QĐ-HĐQT	25/08/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình đào hồ chứa nước ngọt Nhà máy nước An Hiệp năm 2023

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
181	169/QĐ-HĐQT	25/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp bộ thiết bị nghe rò rỉ ống nước
182	170A/QĐ-HĐQT	25/08/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh. Hạng mục ống cấp nước từ vòng xoay Phú Khương đến Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu
183	170/QĐ-HĐQT	25/08/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình thay thế ống cấp nước dọc theo dự án đường gom vào cầu Rạch Miễu 2
184	171A/QĐ-HĐQT	31/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán dịch vụ kiểm tra, sửa chữa đồng hồ DN 15mm hiệu Multimag đã qua sử dụng
185	171B/QĐ-HĐQT	05/09/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: ống cấp nước Chợ Lách (đợt 1/2023). Hạng mục ống uPVC D114 và ống HDPE D63
186	171/QĐ-HĐQT	30/08/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN400
187	172A/QĐ-HĐQT	08/09/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình thay thế ống cấp nước trên cầu Bình Chánh năm 2023. Hạng mục ống HDPE D225
188	172/QĐ-HĐQT	08/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng DN400
189	173A/QĐ-HĐQT	08/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ kiểm tra, sửa chữa đồng hồ DN 15mm hiệu Multimag đã qua sử dụng
190	173B/QĐ-HĐQT	09/09/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán lần 2 công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc đợt 2/2022. Hạng mục ống uPVC D114 và 63
191	173/QĐ-HĐQT	08/09/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán - lần 3 công trình tuyến ống cấp nước từ đường Ngô Quyền vượt sông Bến Tre. Hạng mục ống MPVC D315 đường Ngô Quyền và ống uPVC D220 đường Âu Cơ; Khoan đặt 2 ống HDPE D250 vượt sông
192	174A/QĐ-HĐQT	11/09/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
193	174/QĐ-HĐQT	11/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm (đợt 1/2023)
194	175/QĐ-HĐQT	11/09/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Đào hồ chứa nước ngọt Nhà máy nước An Hiệp năm 2023



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
195	176A/QĐ-HĐQT	14/09/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây mới hàng rào phía sau nhà máy nước Lương Quới
196	176B/QĐ-HĐQT	14/09/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: sửa chữa văn phòng làm việc công ty năm 2023
197	176/QĐ-HĐQT	13/09/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công - Dự toán công trình ống cấp nước Chợ Lách (đợt 1/2023). Hạng mục ống uPVC D114 và ống HDPE D63
198	177/QĐ-HĐQT	18/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu dịch vụ kiểm tra, sửa chữa đồng hồ DN15mm hiệu Multimag đã qua sử dụng
199	178/QĐ-HĐQT	20/09/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình sửa chữa nhà làm việc Đội QLM&SC năm 2023
200	179/QĐ-HĐQT	23/09/2023	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình đào hồ chứa nước ngọt Nhà máy nước An Hiệp năm 2023
201	180/QĐ-HĐQT	23/09/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình sửa chữa Nhà làm việc Đội QLM&SC năm 2023
202	181/QĐ-HĐQT	25/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ nước DN15mm cấp C phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành quý IV/2023
203	182/QĐ-HĐQT	25/09/2023	Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Lê Trường Vi
204	183/QĐ-HĐQT	26/09/2023	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình ống cấp nước Chợ Lách (đợt 1/2023). Hạng mục ống uPVC D114 và ống HDPE D63
205	184/QĐ-HĐQT	28/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN 15mm cấp C phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành Quý IV/2023
206	185/QĐ-HĐQT	29/09/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Đào hồ chứa nước ngọt Nhà máy nước An Hiệp năm 2023
207	186/QĐ-HĐQT	30/09/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công- dự toán công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước dọc kênh Chín Tế
208	187/QĐ-HĐQT	02/10/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình ống cấp nước Chợ Lách đợt 1/2023
209	188/QĐ-HĐQT	03/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
210	189/QĐ-HĐQT	04/10/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN15mm cấp C phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành Quý IV/2023

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
211	190/QĐ-HĐQT	05/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây mới hàng rào phía sau nhà máy nước Lương Quới
212	191/QĐ-HĐQT	11/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình đào hồ chứa nước ngọt Nhà máy nước An Hiệp năm 2023
213	192/QĐ-HĐQT	11/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình đào hồ chứa nước ngọt Nhà máy nước An Hiệp năm 2023
214	193/QĐ-HĐQT	12/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023 hạng mục ống HPDE D125
215	194/QĐ-HĐQT	14/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công -Dự toán công trình xây mới hàng rào phía sau nhà máy nước Lương Quới
216	195/QĐ-HĐQT	14/10/2023	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình: hệ thống thoát nước nội ô thành phố Bến Tre năm 2023. Hạng mục nạo vét thông tắc và sửa chữa hệ thống thoát nước
217	196/QĐ-HĐQT	18/10/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm ống HDPE D63 và ống HDPE D315
218	197/QĐ-HĐQT	18/10/2023	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động ông Huỳnh Cẩm Nguyên
219	198/QĐ-HĐQT	18/10/2023	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình cải tạo thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước dọc kênh Chín Tế
220	199A/QĐ-HĐQT	20/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu tư vấn lập hồ sơ thiết kế xây dựng công trình sửa chữa văn phòng làm việc công ty năm 2023
221	199/QĐ-HĐQT	20/10/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
222	200/QĐ-HĐQT	20/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu tư vấn Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu công trình hệ thống thoát nước nội ô Tp Bến Tre năm 2023
223	201/QĐ-HĐQT	20/10/2023	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình thay thế ống cấp nước đường gom phục vụ dân sinh đoạn từ cầu Hàm Luông đến vòng xoay Thanh Tân
224	202/QĐ-HĐQT	23/10/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 và ống HDPE D315
225	203/QĐ-HĐQT	23/10/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước dọc kênh Chín Tế



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
226	204/GUQ-CTN	24/10/2023	Giấy ủy quyền v/v dự họp theo thư mời số 4696/GM-STNMT ngày 20/10/2023
227	205/QĐ-HĐQT	27/10/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình sửa chữa văn phòng làm việc công ty năm 2023
228	207/QĐ-HĐQT	30/10/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 và ống HDPE D315. Công trình thay thế ống cấp nước đường gom phục vụ dân sinh đoạn từ cầu Hàm Luông đến vòng xoay Thanh Tân
229	208/QĐ-HĐQT	30/10/2023	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
230	209/QĐ-HĐQT	01/11/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu ống UPVC D114 và ống HDPE D63 công trình ống cấp nước Chợ Lách (đợt 1/2023)
231	210/QĐ-HĐQT	03/11/2023	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công- dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023
232	211/QĐ-HĐQT	06/11/2023	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh dự án tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
233	212/QĐ-HĐQT	07/11/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Cải tạo thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước dọc kênh Chín Tế
234	213/QĐ-HĐQT	07/11/2023	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT công trình Hệ thống thoát nước nội ô thành phố Bến Tre năm 2023
235	214/QĐ-HĐQT	07/11/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán gói thầu tư vấn: lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng gói 2 điều chỉnh (lần 2). Dự án tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
236	215/QĐ-HĐQT	08/11/2023	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây mới hàng rào phía sau Nhà máy nước Lương Quới
237	216/QĐ-HĐQT	09/11/2023	Quyết định v/v chỉ định thầu giám sát thi công công trình: ống cấp nước Chợ Lách (đợt 1/2023)
238	217/QĐ-HĐQT	13/11/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra gói thầu tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán gói 2 điều chỉnh (lần 2) thuộc dự án: Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
239	218/QĐ-HĐQT	14/11/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh. Hạng mục ống cấp nước từ vòng xoay Phú Khương đến bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu
240	219/QĐ-HĐQT	14/11/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình xây mới hàng rào phía sau Nhà máy nước Lương Quới

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
241	220/QĐ-HĐQT	18/11/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh. Hạng mục ống cấp nước từ vòng xoay Phú Khương đến bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu
242	221/QĐ-HĐQT	22/11/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình xây mới hàng rào phía sau Nhà máy nước Lương Quới
243	222/QĐ-HĐQT	27/11/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023. Hạng mục ống cấp nước HDPE D125
244	224/QĐ-HĐQT	01/12/2023	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình sửa chữa văn phòng làm việc công ty năm 2023
245	225/QĐ-HĐQT	04/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp van gang các loại phục vụ công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
246	226/QĐ-HĐQT	04/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống MPVC D250 phục vụ công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
247	227/QĐ-HĐQT	04/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp phụ tùng gang và trụ PCCC phục vụ công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
248	228/QĐ-HĐQT	04/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm PAC phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng đầu năm 2024
249	229/QĐ-HĐQT	05/12/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023
250	230A/QĐ-HĐQT	07/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm Thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) phục vụ công tác theo dõi áp lực và lưu lượng trên mạng lưới cấp nước
251	230/QĐ-HĐQT	06/12/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp Xây mới hàng rào phía sau Nhà máy nước Lương Quới
252	231/QĐ-HĐQT	08/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình sửa chữa văn phòng làm việc công ty năm 2023
253	232/QĐ-HĐQT	09/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp PAC phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng đầu năm 2024
254	233/QĐ-HĐQT	11/12/2023	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình nạo vét miệng lấy nước trạm bơm nước thô Cái Cỏ
255	234A/QĐ-HĐQT	14/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ nước các loại phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2024
256	234/QĐ-HĐQT	14/12/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công dự toán (phần phát sinh tăng) công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023



Hội đồng quản trị

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
257	235A/QĐ-HĐQT	15/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm cát lọc phục vụ công tác thay cát lọc cho các bể lọc ở nhà máy nước Sơn Đông
258	235/QĐ-HĐQT	14/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình nạo vét miệng lấy nước trạm bơm nước thô Cái Cỏ
259	236/QĐ-HĐQT	18/12/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn, gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa do Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre làm chủ đầu tư
260	237/QĐ-HĐQT	19/12/2023	Quyết định phê duyệt dự toán bổ sung công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023
261	238/QĐ-HĐQT	19/12/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình nạo vét miệng lấy nước trạm bơm nước thô Cái Cỏ
262	239/QĐ-HĐQT	19/12/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: Nạo vét miệng lấy nước trạm bơm nước thô Cái Cỏ
263	241A/QĐ-HĐQT	20/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp Thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) phục vụ công tác theo dõi áp lực và lưu lượng trên mạng lưới cấp nước
264	241/QĐ-HĐQT	19/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp cát lọc phục vụ công tác thay cát lọc cho các bể lọc ở nhà máy nước Sơn Đông
265	242/QĐ-HĐQT	20/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước các loại phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2024
266	243/QĐ-HĐQT	22/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm máy bơm ly tâm trực ngang để phục vụ công tác ứng phó hạn mặn năm 2023-2024
267	244/QĐ-HĐQT	23/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Cung cấp cát lọc phục vụ công tác thay cát lọc cho các bể lọc ở NMN Sơn Đông
268	245/QĐ-HĐQT	25/12/2023	Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Tống Văn Sáu
269	246/QĐ-HĐQT	25/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa qua mạng (E-HSMT) gói thầu cung cấp PAC dùng xử lý nước sinh hoạt, hàm lượng Al ₂ O ₃ >= 30%;
270	247/QĐ-HĐQT	25/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy bơm ly tâm trực ngang để phục vụ công tác ứng phó hạn mặn năm 2023-2024
271	248/QĐ-HĐQT	25/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp Thiết bị ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) phục vụ công tác theo dõi áp lực và lưu lượng trên mạng lưới cấp nước

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
272	249A/QĐ-HĐQT	26/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ nước DN15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành tháng 1/2024
273	249/QĐ-HĐQT	26/12/2023	Quyết định về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, vật tư thời điểm 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2024
274	250/QĐ-HĐQT	27/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng (E-HSMT) gói thầu cung cấp đồng hồ nước các loại
275	251/QĐ-HĐQT	28/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp máy bơm ly tâm trực ngang để phục vụ công tác ứng phó hạn mặn năm 2023-2024
276	252/QĐ-HĐQT	28/12/2023	Quyết định về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc công trình Hệ thống thoát nước nội ô Thành phố Bến Tre năm 2023
277	253/QĐ-HĐQT	29/12/2023	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN15mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành tháng 1/2024
278	254/QĐ-HĐQT	30/12/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình Sửa chữa văn phòng làm việc công ty năm 2023
279	255/QĐ-HĐQT	30/12/2023	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình sửa chữa văn phòng làm việc công ty năm 2023
280	256/QĐ-HĐQT	30/12/2023	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán - lần 1 công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: tham dự Hội nghị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) phối hợp tổ chức vào ngày 21/6/2023 về “Lưu ý về các sai phạm liên quan đến tình hình tuân thủ pháp luật chứng khoán phát hiện qua quá trình kiểm tra, giám sát; các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty đại chúng, công ty niêm yết”; tham dự khóa đào tạo “về hệ thống CIMS và nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức vào ngày 28/9/2023; tham dự lớp tập huấn “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chứng khoán và TTCK cho các chủ thể hoạt động trên TTCK” do Văn phòng UBCK Nhà nước tổ chức vào ngày 06/10/2023; tham dự Hội thảo quản trị Công ty với chủ đề “Nâng cao hiệu quả công bố thông tin Tài chính của Công ty đại chúng” và “Hội nghị Doanh nghiệp thường niên của Sở GDCK Hà Nội năm 2023” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức vào ngày 10/11/2023.



Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Văn Phong	Trưởng Ban KS	-	-	13.230	0,045%
2	Ông Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	-	-	-	-
3	Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	-	-	-	-

Lý lịch Ban kiểm soát

01

ÔNG LÊ VĂN PHONG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh : 02/06/1969 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : số 88C, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1989- 1997	Kế toán xí nghiệp Liên hợp Xây dựng Thủy lợi Bến Tre.
1997-2000	Phó phòng Kế toán Công ty Xây dựng Bến Tre.
2000-2015	Kế toán trưởng TNHH MTV cấp thoát nước Bến Tre.
2015 - nay	Trưởng BKS Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu cá nhân: 13.230 cổ phần, chiếm 0,045% vốn điều lệ.

02

ÔNG NGUYỄN ĐÌNH HUẤN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh : 06/09/1966 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính - tiền tệ

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1982-2002	Kế toán trưởng phòng Tài chính kế toán thị xã Bến Tre.
2002-06/2015	Quyền Chủ tịch, kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.
07/2015 -04/2016	Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính.
05/2016 - nay	Chánh Văn phòng Sở Tài chính Bến Tre.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chánh Văn phòng Sở Tài chính Bến Tre.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu cá nhân: Không có

03
BÀ NGÔ THỊ HỒNG VÂN
 THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh : 02/01/1969 Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ : 276/9/21 đường Mã Lò, phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1992 -2004	Nhân viên Phòng Tổng hợp tại Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa.
2004 - 2010	Kế toán tổng hợp tại Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa.
2011 -07/2012	Phó phòng Kế toán tại Công ty TNHH Hoàn cầu.
08/2012-07/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang.
2014-2016	Kế toán trưởng Trung tâm Y Khoa Saint Luke.
2016-2017	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thiên Anh Sài Gòn.
2018 - nay	Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Hoàn cầu.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Hoàn cầu

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay :

- Đại diện sở hữu: Không có
- Sở hữu cá nhân: Không có

Hoạt động của Ban kiểm soát

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Văn Phong	Trưởng BKS	02	100%	-
2	Ông Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	02	100%	-
3	Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	02	100%	-

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- Trưởng Ban kiểm soát thực hiện giám sát thường xuyên mọi hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, giám sát quá trình chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành, giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- Giám sát việc ghi sổ sách chứng từ kế toán trong công ty; xem xét các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính đã công bố.
- Xem các hồ sơ, sổ sách có liên quan trong hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2023 của Ban điều hành.
- Tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT, họp giao ban, họp triển khai những công việc quan trọng, họp về lựa chọn nhà thầu trong đầu tư XDCB và mua sắm hàng hóa, nghiệm thu các công trình.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2023, sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong các mặt hoạt động điều hành được thực hiện rất tốt. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thường xuyên cung cấp các thông tin về hoạt động SXKD của Công ty và các Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo định kỳ hàng tháng; các tài liệu khác cho Ban kiểm soát đúng quy định. Người đứng đầu các bộ phận trong bộ máy quản lý, điều hành Công ty thực hiện tốt Điều lệ Công ty, các Quy chế quản trị Công ty đã ban hành.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cổ tức
Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	627.478.560	-	8.547.000
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, TGD	593.560.800	-	6.930.000
Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, PTGD	529.397.076	-	1.501.500
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-
Nguyễn Thị Kim Phượng ⁽¹⁾	-	-	30.000.000	-
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	529.397.076	-	14.553.000
Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-
Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	-	54.000.000	-
Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	-	54.000.000	-
Phan Thành Nhân	PTGD	308.814.961	-	18.826.500
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	488.157.797	-	22.951.500
Nguyễn Trung Hiếu	Thư ký	-	42.000.000	-
Lê Thị Hồng Thắm	Thư ký	-	42.000.000	-

(1) Bà Nguyễn Thị Kim Phượng miễn nhiệm từ ngày 01/06/2023

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với bên liên quan

Stt	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch (đồng)	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
Trả cổ tức			
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	20.697.600.000	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (số 41/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2023)
2	Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	5.620.461.000	
3	Công ty TNHH Hoàn Cầu	4.851.000.000	

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị Công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành, điều chỉnh theo qui định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2024 (từ trang 07 đến trang 32), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024.



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 2839-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		91.583.643.410	51.540.807.523
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	62.657.030.841	22.993.834.921
111	1. Tiền		60.657.030.841	10.549.467.798
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	12.444.367.123
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.119.705.617	15.704.592.857
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	15.490.859.950	15.050.742.665
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.442.632.295	472.829.802
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		186.213.372	181.020.390
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	10.469.922.656	9.949.794.254
141	1. Hàng tồn kho		10.469.922.656	9.949.794.254
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.336.984.296	2.892.585.491
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5a	1.264.138.830	1.316.404.678
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.471.851.824
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	72.845.466	104.328.989
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		460.651.830.230	458.927.195.436
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		416.114.551.915	429.271.560.828
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	416.072.885.248	429.179.894.161
222	- Nguyên giá		923.384.894.919	899.368.958.869
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(507.512.009.671)	(470.189.064.708)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	41.666.667	91.666.667
228	- Nguyên giá		1.338.000.000	1.338.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.296.333.333)	(1.246.333.333)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		25.475.279.246	9.347.762.747
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	25.475.279.246	9.347.762.747
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		19.061.999.069	20.307.871.861
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5b	19.061.999.069	20.307.871.861
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		552.235.473.640	510.468.002.959

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		109.620.342.008	99.185.235.736
310	I. Nợ ngắn hạn		47.916.790.489	52.486.427.556
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	3.949.425.299	6.166.966.083
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	160.203.930	185.136.870
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	3.489.725.843	2.378.961.685
314	4. Phải trả người lao động	V.12	5.726.798.357	5.411.329.372
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	461.509.896	600.870.947
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	2.989.470.918	12.592.238.341
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	25.707.428.000	18.536.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	5.432.228.246	6.614.924.258
330	II. Nợ dài hạn		61.703.551.519	46.698.808.180
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	2.922.808.180
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	61.703.551.519	43.776.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.17	442.615.131.632	411.282.767.223
410	I. Vốn chủ sở hữu		442.615.131.632	411.282.767.223
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		294.000.000.000	294.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		294.000.000.000	294.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		95.062.767.223	82.003.265.065
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		53.552.364.409	35.279.502.158
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		14.700.000.000	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		38.852.364.409	35.279.502.158
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		552.235.473.640	510.468.002.959

Bến Tre, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu:  NGUYỄN DUY HIỀN
 Kế toán trưởng:  VÕ THỊ THIÊN TRANG
 Chủ tịch HĐQT:  TRẦN HÙNG


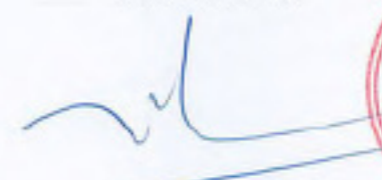



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	225.759.833.952	215.477.843.148
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		157.775	1.317.268
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		225.759.676.177	215.476.525.880
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	83.367.601.027	76.983.372.775
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		142.392.075.150	138.493.153.105
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	187.373.810	716.626.446
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.455.696.082	4.143.997.475
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.455.696.082	4.143.997.475
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	53.188.481.427	50.854.885.908
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19.337.190.501	18.734.839.268
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.598.080.950	65.476.056.900
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.315.103.015	1.117.889.720
32	12. Chi phí khác		55.551.641	792.219.235
40	13. Lợi nhuận khác		1.259.551.374	325.670.485
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		66.857.632.324	65.801.727.385
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	11.465.267.915	11.235.713.110
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		55.392.364.409	54.566.014.275
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	1.666	1.605
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	1.666	1.605

Bến Tre, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu:  NGUYỄN DUY HIỀN
 Kế toán trưởng:  VÕ THỊ THIÊN TRANG
 Chủ tịch HĐQT:  TRẦN HÙNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		243.295.920.173	234.921.314.601
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(84.671.839.136)	(81.174.315.024)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(37.989.759.766)	(35.369.489.182)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(4.595.057.133)	(4.325.254.306)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(10.479.988.488)	(12.683.150.368)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.576.074.726	1.834.415.205
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.599.352.171)	(23.031.474.749)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		83.535.998.205	80.172.046.177
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(42.998.062.929)	(56.163.116.217)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.163.244.000	1.095.250.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	723.235.231
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(41.834.818.929)	(54.344.630.986)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.15	45.193.979.519	168.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.15	(20.095.000.000)	(18.512.000.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17c	(27.136.962.875)	(31.663.037.125)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.037.983.356)	(50.007.037.125)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		39.663.195.920	(24.179.621.934)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		22.993.834.921	47.173.456.855
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	62.657.030.841	22.993.834.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (Sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre, với cổ phần vốn Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2023 cũng có những ảnh hưởng nhất định như thời tiết nắng nóng gay gắt, nước mặn xâm nhập,... nhưng nhờ có kế hoạch ứng phó và triển khai đồng bộ đã đạt hiệu quả cao, cung cấp nước sạch đảm bảo an toàn, chất lượng. Từ đó sản lượng nước tiêu thụ tăng mạnh so với năm trước. Doanh thu năm nay tăng 4,77% và lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 1,60% so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005

Người lập biểu

NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng

VÕ THỊ THIÊN TRANG

Chủ tịch HĐQT



TRẦN HÙNG

Bến Tre, ngày 20 tháng 1 năm 2024

5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cây.	Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Phú Tân.	Số 81A, QL.60, Khu phố 1, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1300107725-007

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 286 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 289 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tạm trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: vật tư, nước sạch thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng hoạt động xây dựng đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Mỏ Cày Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	7.812.723	2.898.450
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.649.218.118	10.546.569.348
- Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	12.444.367.123
Cộng	62.657.030.841	22.993.834.921

Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Nam Á	2.000.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Công thương Việt Nam	-	10.444.367.123
Cộng	2.000.000.000	12.444.367.123

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>15.490.859.950</i>	<i>15.050.742.665</i>
- Phải thu tiền nước của các hộ dân	15.107.235.931	14.406.335.894
- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre	267.155.947	644.406.771
- Các khách hàng khác	116.468.072	-
Cộng (*)	15.490.859.950	15.050.742.665

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thu hồi được tại ngày 31/12/2023 là 400.401.421 đồng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các cá nhân, tổ chức khác</i>	<i>1.442.632.295</i>	<i>472.829.802</i>
- Công ty CP Đầu tư và XD Cấp Thoát Nước	630.232.832	-
- Sở Tài nguyên Và Môi trường Bến Tre - Chợ Lách (*)	271.322.154	-
- Công ty CP Khoan & Xây lắp Cấp Thoát Nước	246.157.651	-
- Các nhà cung cấp khác	294.919.658	472.829.802
Cộng	1.442.632.295	472.829.802

(*) Là khoản phải trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	10.453.709.258	-	9.879.482.235	-
- Công cụ, dụng cụ	16.213.398	-	16.244.294	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	54.067.725	-
Cộng	10.469.922.656	-	9.949.794.254	-

(*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các thiết bị về ngành nước (ống nước, thùy lượng kế,...).

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là khoản chi phí mua bảo hiểm.

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí đồng hồ gắn và thay mới thủy lượng kế	13.857.556.265	15.742.444.292
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.204.442.804	4.565.427.569
Cộng	19.061.999.069	20.307.871.861

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	20.307.871.861	14.606.320.965
Tăng trong năm	11.976.218.664	16.666.100.129
Phân bổ trong năm	(13.222.091.456)	(10.964.549.233)
Số dư cuối năm	19.061.999.069	20.307.871.861

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	211.100.492.601	78.936.817.725	602.731.233.385	6.600.415.158	899.368.958.869
Tăng trong năm	7.703.506.663	3.266.865.297	15.726.351.920	-	26.696.723.880
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	7.656.520.279	2.898.776.661	15.726.351.920	-	26.281.648.860
- Mua trong năm	-	368.088.636	-	-	368.088.636
- Tăng khác	46.986.384	-	-	-	46.986.384
Giảm trong năm	(69.905.502)	(774.273.000)	(1.578.609.328)	(58.000.000)	(2.480.787.830)
- Giảm do thanh lý	-	-	(1.181.818.000)	-	(1.181.818.000)
- Giảm khác	(69.905.502)	(774.273.000)	(396.791.328)	(58.000.000)	(1.298.969.830)
Số cuối năm	218.734.093.762	81.429.410.022	616.878.975.977	6.542.415.158	923.584.894.919
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.316.592.840	15.660.964.913	170.194.872.321	591.040.000	235.763.470.074
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	102.559.956.785	38.602.911.856	326.465.485.802	2.560.710.265	470.189.064.708
Tăng trong năm	8.409.625.488	6.276.022.698	23.566.132.539	753.775.998	39.005.556.723
- Khấu hao	8.409.625.488	6.276.022.698	23.566.132.539	753.775.998	39.005.556.723
Giảm trong năm	(38.057.803)	(250.778.422)	(1.375.634.424)	(18.141.111)	(1.682.611.760)
- Giảm do thanh lý	-	-	(1.181.818.000)	-	(1.181.818.000)
- Giảm khác	(38.057.803)	(250.778.422)	(193.816.424)	(18.141.111)	(500.793.760)
Số cuối năm	110.931.524.470	44.628.156.132	348.655.983.917	3.296.345.152	507.512.009.671
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	108.540.535.816	40.333.905.869	276.265.747.583	4.039.704.893	429.179.894.161
Số cuối năm	107.802.569.292	36.801.253.890	268.222.992.060	3.246.070.006	416.072.885.248
Giá trị còn lại tài sản cầm cố, thế chấp (Xem tại thuyết minh số V.15)	57.673.499.810	5.474.845.088	100.983.489.632	-	164.131.834.530

7. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình, phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.338.000.000	1.338.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.338.000.000	1.338.000.000
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.188.000.000	1.188.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	1.246.333.333	1.246.333.333
Khấu hao trong năm	50.000.000	50.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.296.333.333	1.296.333.333
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	91.666.667	91.666.667
Số cuối năm	41.666.667	41.666.667

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	253.300.000	(235.800.000)	(7.500.000)	10.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	9.167.675.763	39.089.836.664	(23.684.215.621)	(38.056.146)	24.535.240.660
- Tuyển ống CN từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu Công nghiệp Giao Long	852.183.327	21.834.083.331	-	-	22.686.266.658
- Các công trình khác	8.315.492.436	17.255.753.333	(23.684.215.621)	(38.056.146)	1.848.974.002
Sửa chữa lớn TSCĐ	180.086.984	5.491.321.784	(2.361.633.239)	(2.379.736.943)	930.038.586
Cộng	9.347.762.747	44.834.458.448	(26.281.648.860)	(2.425.293.089)	25.475.279.246

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.949.425.299	6.166.966.083
- Sở Tài nguyên Và Môi Trường Bến Tre - Sơn Đông ⁽¹⁾	1.054.527.525	-
- Công ty TNHH TMDV Xây dựng Khôi Nguyên Bến Tre	760.255.476	-
- Sở Tài Chính Bến Tre	710.125.432	563.629.255
- Các nhà cung cấp khác	1.424.516.866	5.603.336.828
Cộng	3.949.425.299	6.166.966.083

⁽¹⁾ Là khoản phải trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản nhận ứng trước tiền cung cấp nước sạch tại các huyện.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT đầu ra	-	29.039.076	1.374.782.253	(1.067.373.023)	278.370.154	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.484.944.925	-	11.465.267.915	(10.479.988.488)	2.470.224.352	-
- Thuế thu nhập cá nhân	258.829.043	-	297.108.524	(491.091.467)	64.846.100	-
- Thuế tài nguyên	114.725.129	-	855.391.784	(825.587.159)	144.529.754	-
- Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
- Phí bảo vệ môi trường	520.462.588	-	6.354.352.137	(6.343.059.242)	531.755.483	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	75.289.913	209.284.080	(206.839.633)	-	72.845.466
- Các loại thuế khác	-	-	227.863.418	(227.863.418)	-	-
Cộng	2.378.961.685	104.328.989	20.793.050.111	(19.650.802.430)	3.489.725.843	72.845.466

11a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.857.632.324	65.801.727.385
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	799.986.216	826.813.844
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	67.657.618.540	66.628.541.229
Thu nhập được ưu đãi thuế (*)	20.662.557.932	20.899.951.357
+ Thu nhập được giảm 50% thuế	20.662.557.932	20.899.951.357
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.531.523.708	13.325.708.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(2.066.255.793)	(2.089.995.136)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.465.267.915	11.235.713.110

(*) Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế Tỉnh Bến Tre. Bao gồm: Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Mỏ Cày Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

12. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên.

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Viên chức quản lý, kiểm soát viên	1.435.962.690	1.370.532.900
- Cán bộ công nhân viên	4.290.835.667	4.040.796.472
Cộng	5.726.798.357	5.411.329.372

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả của các ngân hàng.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.989.470.918	12.592.238.341
- Cổ tức phải trả	-	9.496.962.875
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	65.000.000	83.445.105
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.924.470.918	3.011.830.361
Cộng	2.989.470.918	12.592.238.341

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	25.707.428.000	25.707.428.000	18.536.000.000	18.536.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bến Tre ⁽²⁾	4.543.428.000	4.543.428.000	24.000.000	24.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽³⁾	2.652.000.000	2.652.000.000	-	-
Cộng	25.707.428.000	25.707.428.000	18.536.000.000	18.536.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Nợ dài hạn đến hạn trả	18.536.000.000	-	27.266.428.000	(20.095.000.000)	25.707.428.000
Cộng	18.536.000.000	-	27.266.428.000	(20.095.000.000)	25.707.428.000

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	61.703.551.519	61.703.551.519	43.776.000.000	43.776.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	25.120.000.000	25.120.000.000	43.632.000.000	43.632.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bến Tre ⁽²⁾	24.788.572.000	24.788.572.000	144.000.000	144.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽³⁾	11.794.979.519	11.794.979.519	-	-
Cộng	61.703.551.519	61.703.551.519	43.776.000.000	43.776.000.000

⁽¹⁾ Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008.

- Hạn mức: 64.836.778.484 đồng;
- Thời hạn vay: 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ);
- Lãi suất: 5%/năm;
- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010 gồm tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc. Chi tiết xem tại Thuyết minh số V.7 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 10.802.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2024 là 4.322.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng vốn ODA do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ theo hợp đồng số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 23/04/2013, hợp đồng sửa đổi số 01A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 19/06/2013, phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐODA-NHPTVN ngày 18/04/2014, hợp đồng sửa đổi số 02A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 02/07/2014

- Hạn mức: 177.360.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 15 năm (ân hạn 2,5 năm từ ngày giải ngân lần đầu);
- Lãi suất: 5%/năm (trong hạn), 7,5%/năm (quá hạn);
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước An Hiệp huyện Châu Thành giai đoạn 1, công suất 15.000 m³/ngày;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.7 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 32.830.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2024 là 14.190.000.000 đồng;

⁽²⁾ Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 27873.069/2022-HĐCVDADT/NHCT780005-BEWACO ngày 30/12/2022.

- Hạn mức: 16.500.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng
- Lãi suất: 13%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);

- Mục đích vay: Vay bù đắp
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 14.832.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2024 là 2.472.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 38670.084/2023-HĐCVDADT/NHCT78005-BEWACO ngày 29/12/2023.

- Hạn mức: 25.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng
- Lãi suất: 9%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);

- Mục đích vay: Vay bù đắp
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 14.500.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2024 là 2.071.428.000 đồng.

⁽³⁾ Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 01/2023/7928997/HĐTD ngày 20/06/2023.

- Hạn mức: 23.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng
- Lãi suất: 9,4%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);
- Mục đích vay: Vay thi công Gói 2: Ống CN D400 và D315 Dự án:Tuyển ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai.
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 14.446.979.519 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2024 là 2.652.000.000 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn	43.776.000.000	45.193.979.519	(27.266.428.000)	-	61.703.551.519
Cộng	43.776.000.000	45.193.979.519	(27.266.428.000)	-	61.703.551.519

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.326.291.247	6.200.000.000	57.980.000	(7.269.543.001)	5.314.728.246
Quỹ khen thưởng ban điều hành	288.633.011	220.000.000	-	(391.133.011)	117.500.000
Cộng	6.614.924.258	6.420.000.000	57.980.000	(7.660.676.012)	5.432.228.246

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	188.160.000.000	64,00	188.160.000.000	64,00
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	51.095.100.000	17,38	51.095.100.000	17,38
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	44.100.000.000	15,00	44.100.000.000	15,00
- Khác	10.644.900.000	3,62	10.644.900.000	3,62
Cộng	294.000.000.000	100,00	294.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	294.000.000.000	294.000.000.000	-
Cộng	294.000.000.000	294.000.000.000	-

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	294.000.000.000	294.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	294.000.000.000	294.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích lập	17.640.000.000	41.160.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(27.136.962.875)	(31.663.037.125)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải chi	-	9.496.962.875

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP

17e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

17f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2022 theo Nghị quyết số 41/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 24/06/2023.

• Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	:	17.640.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2022	:	2.939.502.158
Cộng		20.579.502.158

Trong năm, Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo Nghị quyết số 41/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 24/06/2023.

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	:	6.200.000.000
• Trích quỹ thưởng ban điều hành năm 2023	:	220.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2023	:	10.120.000.000
Cộng		16.540.000.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

18a. Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá của tài sản cố định nhận giữ hộ ⁽¹⁾	14.159.178.193	14.159.178.193

⁽¹⁾ Những công trình từ nguồn vốn ngân sách, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre bàn giao cho Công ty giữ hộ.

18b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	810.230.621	810.711.221

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp nước sạch	222.942.092.471	213.318.804.606
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	2.004.839.529	1.341.516.630
- Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	647.718.422	611.198.541
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	165.025.755	205.006.103
Cộng	225.759.676.177	215.476.525.880

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn cung cấp nước sạch	80.870.011.661	75.173.019.025
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	1.956.555.606	1.324.740.759
- Giá vốn từ hoạt động thu phí BVMT	381.847.751	365.568.000
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	159.186.009	120.044.991
Cộng	83.367.601.027	76.983.372.775

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Toàn bộ là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay các ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	11.472.622.094	10.675.170.650
- Chi phí vật liệu, công cụ	14.738.114.845	12.363.123.285
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.218.715.246	25.707.194.464
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	1.759.029.242	2.109.397.509
Cộng	53.188.481.427	50.854.885.908

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	11.645.036.979	10.971.975.514
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.437.165.521	1.487.220.604
- Chi phí phân bổ	2.538.249.238	2.267.786.141
- Thuế, phí và lệ phí	33.379.832	33.379.832
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	3.683.358.931	3.974.477.177
Cộng	19.337.190.501	18.734.839.268

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm nay
- Thanh lý tài sản - vật tư	1.305.117.553	1.082.741.260
- Các khoản khác	9.985.462	35.148.460
Cộng	1.315.103.015	1.117.889.720

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.465.267.915	11.235.713.110
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.465.267.915	11.235.713.110

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.392.364.409	54.566.014.275
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.420.000.000)	(7.383.211.844)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.420.000.000)	(7.383.211.844)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành ^(*)	(6.420.000.000)	(7.383.211.844)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.972.364.409	47.182.802.431
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) ^(**)	29.400.000	29.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.666	1.605

^(*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong năm là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 41/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2023. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.392.364.409	54.566.014.275
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.420.000.000)	(7.383.211.844)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.420.000.000)	(7.383.211.844)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành ^(*)	(6.420.000.000)	(7.383.211.844)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.972.364.409	47.182.802.431
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) ^(**)	29.400.000	29.400.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.666	1.605

^(*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong năm là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 41/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2023. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

^(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) được tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	29.400.000
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.400.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.130.609.964	33.686.110.646
- Chi phí nhân công	40.270.725.849	38.804.052.579
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.055.556.723	39.881.252.243
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	30.436.380.419	34.201.682.483
Cộng	155.893.272.955	146.573.097.951

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Diễm Phượng ⁽¹⁾	Chủ tịch HĐQT	-	607.764.960
Trần Hùng ⁽²⁾	Chủ tịch HĐQT	627.478.560	574.912.800
Trần Thanh Bình ⁽³⁾	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	593.560.800	512.743.176
Phan Thanh Bình ⁽⁴⁾	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	529.397.076	512.743.176
Phan Thành Nhân ⁽⁵⁾	Phó Tổng Giám Đốc	308.814.961	-
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	529.397.076	512.743.176
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	488.157.797	468.156.802
Cộng		3.076.806.270	3.189.064.090

Thù lao	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Kim Phượng ⁽⁶⁾	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
Nguyễn Thy Phương ⁽⁷⁾	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Nguyễn Đình Huân	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Lưu Văn Khanh ⁽⁸⁾	Thư ký	-	42.000.000
Nguyễn Trung Hiếu ⁽⁹⁾	Thư ký	42.000.000	-
Lê Thị Hồng Thắm	Thư ký	42.000.000	42.000.000
Cộng		312.000.000	312.000.000

Cổ tức	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Diễm Phượng	Chủ tịch HĐQT	-	33.831.000
Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	8.547.000	6.993.000
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	6.930.000	5.670.000
Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám Đốc	1.501.500	1.228.500
Phan Thành Nhân	Phó Tổng Giám Đốc	18.826.500	-
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	14.553.000	11.907.000
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	22.951.500	18.778.500
Cộng		73.309.500	78.408.000

⁽¹⁾ Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng miễn nhiệm từ ngày 01/01/2023;

⁽²⁾ Ông Trần Hùng được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023;

⁽³⁾ Ông Trần Thanh Bình được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023;

⁽⁴⁾ Ông Phan Thanh Bình được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023;

⁽⁵⁾ Ông Phan Thành Nhân bổ nhiệm từ ngày 01/06/2023;

⁽⁶⁾ Bà Nguyễn Thị Kim Phượng miễn nhiệm từ ngày 24/06/2023;

⁽⁷⁾ Bà Nguyễn Thy Phương được bổ nhiệm từ ngày 24/06/2023;

⁽⁸⁾ Ông Lưu Văn Khanh miễn nhiệm từ ngày 01/01/2023;

⁽⁹⁾ Ông Nguyễn Trung Hiếu được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023.

3b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Cổ đông sở hữu 64,00 % cổ phần
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	Cổ đông sở hữu 17,38 % cổ phần
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	Cổ đông sở hữu 15,00 % cổ phần

Giao dịch với các bên liên quan khác trong năm gồm:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre		
- Trả cổ tức	20.697.600.000	16.934.400.000
Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh		
- Trả cổ tức	5.620.461.000	4.598.559.000
Công ty TNHH Hoàn Cầu		
- Trả cổ tức	4.851.000.000	3.969.000.000

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

4a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Cung cấp nước sạch;
- Thi công tuyến cấp thoát nước;
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

	Cung cấp nước sạch	Thi công tuyến cấp thoát nước	Hoạt động thu phí BVMT	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng	222.942.092.471	2.004.839.529	647.718.422	165.025.755	225.759.676.177
Giá vốn hàng bán	80.870.011.661	1.956.555.606	381.847.751	159.186.009	83.367.601.027
Lãi gộp	142.072.080.810	48.283.923	265.870.671	5.839.746	142.392.075.150
Tỷ lệ lãi gộp	63,73%	2,41%	41,05%	3,54%	63,07%
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng	213.318.804.606	1.341.516.630	611.198.541	205.006.103	215.476.525.880
Giá vốn hàng bán	75.173.019.025	1.324.740.759	365.568.000	120.044.991	76.983.372.775
Lãi gộp	138.145.785.581	16.775.871	245.630.541	84.961.112	138.493.153.105
Tỷ lệ lãi gộp	64,76%	1,25%	40,19%	41,44%	64,27%

4b. Khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng

VÕ THỊ THIÊN TRANG



TRẦN HÙNG



PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng			
				1	2	3	4
A							
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022							
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2022	294.000.000.000	67.491.101.778	43.768.863.014	405.259.964.792			
Tăng trong năm	-	14.512.163.287	54.566.014.275	69.078.177.562			
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	14.512.163.287	-	14.512.163.287			
- Lãi trong năm	-	-	54.566.014.275	54.566.014.275			
Giảm trong năm	-	-	(63.055.375.131)	(63.055.375.131)			
- Trích quỹ đầu tư phát triển theo phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	(2.672.163.287)	(2.672.163.287)			
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(26.460.000.000)	(26.460.000.000)			
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	-	(6.984.378.833)	(6.984.378.833)			
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2022	-	-	(398.633.011)	(398.633.011)			
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2022	-	-	(11.840.000.000)	(11.840.000.000)			
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(14.700.000.000)	(14.700.000.000)			
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	294.000.000.000	82.003.265.065	35.279.502.158	411.282.767.223			
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023							
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2023	294.000.000.000	82.003.265.065	35.279.502.158	411.282.767.223			
Tăng trong năm	-	13.059.502.158	55.392.364.409	68.451.866.567			
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	13.059.502.158	-	13.059.502.158			
- Lãi trong năm	-	-	55.392.364.409	55.392.364.409			
Giảm trong năm	-	-	(37.119.502.158)	(37.119.502.158)			
- Trích quỹ đầu tư phát triển theo phân phối lợi nhuận năm 2022	-	-	(2.939.502.158)	(2.939.502.158)			
- Chia cổ tức từ lợi nhuận còn lại của năm 2022	-	-	(17.640.000.000)	(17.640.000.000)			
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023	-	-	(6.200.000.000)	(6.200.000.000)			
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2023	-	-	(220.000.000)	(220.000.000)			
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2023	-	-	(10.120.000.000)	(10.120.000.000)			
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	294.000.000.000	95.062.767.223	53.582.364.409	442.615.131.632			

Người lập biểu

NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng

VÔ THỊ THIÊN TRANG

Bến Tre, ngày 20 tháng 3 năm 2024



TRẦN HÙNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Bến Tre, ngày 14 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Hội đồng quản trị



Trần Hùng